**GIẢI THÍCH NỘI DUNG VÀ CÁCH GHI PHIẾU**

**Phần I. MỘT SỐ KHÁI NIỆM**

**I. Một số khái niệm chung**

***Dự án:*** là tập hợp các hoạt động có liên quan nhằm đạt một hoặc một số mục tiêu xác định, được thực hiện trên địa bàn cụ thể, trong khoảng thời gian xác định, dựa trên những nguồn lực xác định. Dự án bao gồm 3 loại sau:

**- *Dự án đầu tư xây dựng công trình****:* là dự án đầu tư liên quan đến việc xây dựng mới, mở rộng hoặc cải tạo những công trình nhằm mục đích phát triển, duy trì, nâng cao chất lượng công trình hoặc sản phẩm dịch vụ trong một thời kỳ nhất định.

*-* ***Dự án đầu tư trang bị máy móc thiết bị***: là dự án đầu tư liên quan đến việc mua sắm, nâng cấp trang thiết bị máy móc phục vụ cho hoạt động sản xuất và dịch vụ.

*-* ***Dự án đầu tư khác****:* là dự án đầu tư không thuộc 2 loại dự án đầu tư trên, là dự án có mục tiêu hỗ trợ phát triển năng lực và thể chế hoặc cung cấp các yếu tố đầu vào kỹ thuật để chuẩn bị, thực hiện các chương trình, dự án thông qua các hoạt động như cung cấp chuyên gia, đào tạo, hỗ trợ trang thiết bị, tư liệu và tài liệu.

***Chương trình mục tiêu quốc gia***: là một tập hợp các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đồng bộ về kinh tế, xã hội, khoa học, công nghệ, môi trường, cơ chế, chính sách, pháp luật, tổ chức để thực hiện một hoặc một số mục tiêu ưu tiên đã được xác định trong chiến lược 10 năm và kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong một thời gian xác định.

***Chủ đầu tư:*** là người (hoặc tổ chức) sở hữu vốn hoặc là người được giao quản lý và sử dụng vốn để thực hiện hoạt động đầu tư.

***Ban quản lý dự án:*** do chủ đầu tư thành lập, thay mặt chủ đầu tư quản lý dự án. Ban quản lý dự án chỉ được thực hiện những công việc do chủ đầu tư giao kể cả ký hợp đồng thuê tư vấn quản lý giám sát một số phần việc mà ban quản lý dự án không đủ điều kiện, năng lực thực hiện.

Một ban quản lý dự án có thể đồng thời được giao quản lý thực hiện một hoặc nhiều dự án nhưng phải đảm bảo từng dự án được theo dõi, ghi chép riêng và quyết toán kịp thời theo đúng quy định của pháp luật.

***Công trình:*** là tổng hợp những đối tượng xây dựng được thi công trên một hoặc nhiều địa điểm nhưng có chung một bản thiết kế kỹ thuật (thiết kế triển khai) hoặc thiết kế bản vẽ thi công (thiết kế chi tiết) và giá trị của các đối tượng xây dựng đó được tính chung vào một bản tổng dự toán. Công trình có thể là một ngôi nhà hoặc một vật kiến trúc có thiết kế và dự toán độc lập.

***Hạng mục công trình***: là đối tượng xây dựng thuộc công trình có bản vẽ thi công hoặc thiết kế kỹ thuật thi công và dự toán xây lắp hạng mục riêng nằm trong thiết kế và tổng dự toán chung của công trình. Năng lực (sản xuất hoặc phục vụ) của hạng mục có thể được huy động độc lập theo thiết kế hoặc có thể kết hợp cùng với năng lực của các hạng mục khác để tạo nên năng lực tổng thể của toàn bộ công trình.

**II. Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội**

Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội là toàn bộ tiền vốn bỏ ra (chi tiêu) để làm tăng hoặc duy trì năng lực sản xuất và nguồn lực để nâng cao mức sống vật chất và tinh thần của toàn xã hội trong một thời kỳ nhất định. Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội bao gồm:

***1. Vốn đầu tư tạo ra tài sản cố định:*** là khoản đầu tư làm tăng thêm giá trị tài sản cố định, bao gồm vốn đầu tư xây dựng mới nhà cửa, vật kiến trúc, mua sắm tài sản cố định không qua xây dựng cơ bản và đầu tư cho sửa chữa lớn tài sản cố định (tức là những chi phí bằng tiền để mở rộng, xây dựng lại, khôi phục hoặc nâng cấp năng lực sản xuất của tài sản cố định của nền kinh tế). Toàn bộ chi phí cho việc thăm dò, khảo sát thiết kế và qui hoạch xây dựng chuẩn bị cho việc đầu tư cũng như chi phí lắp đặt máy móc thiết bị cũng được tính vào khoản mục này.

***2. Vốn đầu tư làm tăng tài sản lưu động:*** là khoản đầu tư duy trì và phát triển sản xuất bao gồm vốn đầu tư mua nguyên vật liệu chính, nguyên vật liệu phụ, nhiên liệu, phụ tùng thay thế, vật liệu thiết bị xây dựng cơ bản. Đây là khoản vốn lưu động được bổ sung trong kỳ nghiên cứu.

***3. Vốn đầu tư phát triển khác:*** bao gồm tất cả các khoản đầu tư của xã hội nhằm tăng năng lực phát triển của xã hội. Sự phát triển của xã hội ngoài yếu tố là tăng tài sản cố định, tài sản lưu động còn yếu tố tăng nguồn lực khác như: nâng cao dân trí, tăng cường phúc lợi xã hội, cải thiện môi trường sinh thái, hỗ trợ các chương trình phòng chống tệ nạn xã hội và các chương trình phát triển khác như chương trình mục tiêu quốc gia nhằm nâng cao sức khỏe cộng đồng, kế hoạch hóa gia đình, chương trình bảo vệ động vật quý hiếm, chương trình phổ cập giáo dục, đào tạo bồi dưỡng nguồn nhân lực, chương trình xóa đói giảm nghèo...

Vốn đầu tư phát triển khác còn bao gồm cả vốn chi mua các tài sản quý hiếm, dự trữ vàng dưới dạng hàng hoá, các sản phẩm hàng hoá dự trữ trong dân cư…

**III. Thực hiện đầu tư phát triển**

Thực hiện đầu tư phát triển thường được chia theo các phân tổ: theo nguồn vốn, theo khoản mục đầu tư, theo mục đích đầu tư và theo tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Cụ thể như sau:

**1. Chia theo nguồn vốn:** bao gồm ngân sách nhà nước, trái phiếu Chính phủ, tín dụng đầu tư phát triển, vốn vay, vốn tự có và vốn khác.

***1.1. Ngân sách nhà nước:*** là khoản chi đầu tư và hỗ trợ cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế thuộc ngân sách nhà nước cấp cho đơn vị theo quy định của pháp luật. Ngân sách nhà nước chia theo hai nguồn:

- Ngân sách nhà nước trung ương: do Bộ, ngành quản lý và chịu trách nhiệm thực hiện các dự án/công trình trên phạm vi cả nước.

- Ngân sách nhà nước địa phương: do chính quyền địa phương cấp tỉnh, huyện, xã quản lý và chịu trách nhiệm thực hiện các dự án/công trình trên địa bàn. Ngân sách địa phương thực hiện bao gồm: cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã.

***a. Ngân sách nhà nước cấp tỉnh:*** gồm các khoản sau:

*- Cân đối ngân sách của tỉnh/thành phố:* là khoản vốn thuộc ngân sách nhà nước địa phương cấp tỉnh tự cân đối để đầu tư phát triển kinh tế - xã hội trên địa phương như đầu tư xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội do địa phương quản lý; đầu tư và hỗ trợ cho các doanh nghiệp, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của nhà nước theo quy định của pháp luật; các khoản đầu tư khác theo quy định của pháp luật.

*- Vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu:* là khoản vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước trung ương hỗ trợ cho địa phương theo các chương trình, dự án đầu tư có mục tiêu của nhà nước.

*- Vốn nước ngoài (vốn hỗ trợ phát triển chính thức, gọi tắt là ODA):* là nguồn vốn được hình thành từ hoạt động hợp tác phát triển giữa Nhà nước hoặc Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam với nhà tài trợ là Chính phủ nước ngoài, các tổ chức tài trợ song phương và các tổ chức liên quốc gia hoặc liên Chính phủ.

*- Xổ số kiến thiết:* là nguồn thu trích từ xổ số kiến thiết địa phương để đầu tư phát triển.

*- Vốn khác:* là các nguồn vốn được huy động từ ngân sách nhà nước ngoài ba khoản đầu tư phát triển của tỉnh, thành phố đã ghi ở trên, như các nguồn vốn từ:

+ Quỹ dự phòng ngân sách trung ương: là dự toán chi ngân sách trung ương và ngân sách các cấp chính quyền địa phương được bố trí khoản dự phòng từ 2% đến 5% tổng số chi để chi phòng chống, khắc phục hậu quả thiên tai, hoả hoạn, nhiệm vụ quan trọng về quốc phòng an ninh và nhiệm vụ cấp bách khác phát sinh ngoài dự toán.

**+** Quỹ dự phòng tài chính: được lập từ các nguồn tăng thu, kết dư ngân sách, bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm, và các nguồn tài chính khác theo quy định của pháp luật. Quỹ dự trữ tài chính được sử dụng để đáp ứng các nhu cầu chi khi nguồn thu chưa tập trung kịp và phải hoàn trả ngay trong năm ngân sách.

*Lưu ý: Phần này chỉ tính khoản quỹ dự phòng ngân sách trung ương, quỹ dự phòng tài chính thực tế chi cho đầu tư phát triển.*

+ Tạm ứng và chi trước kế hoạch: là khoản từ kế hoạch ngân sách nhà nước của các năm sau ứng trước cho năm thực hiện nhằm mục đích hoàn thành các công trình, dự án của nhà nước có khả năng hoàn thành và đưa vào sử dụng trong năm thực hiện.

+ Các khoản vốn khác ngoài các khoản ở trên thuộc ngân sách nhà nước thực hiện đầu tư phát triển trong kỳ.

***b. Vốn ngân sách nhà nước cấp huyện:*** gồm các khoản sau:

*- Vốn cân đối ngân sách cấp huyện:* là khoản đầu tư thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện để phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn cấp huyện phù hợp với phân cấp nhiệm vụ kinh tế xã hội, quốc phòng, an ninh đối với từng lĩnh vực và đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư của từng vùng và trình độ quản lý của địa phương.

*- Vốn cấp tỉnh hỗ trợ đầu tư có mục tiêu:* là khoản vốn đầu tư từ ngân sách của tỉnh hỗ trợ cho quận/huyện theo các chương trình, dự án đầu tư có mục tiêu của nhà nước và tỉnh.

*- Vốn khác:* là các khoản đầu tư từ ngân sách nhà nước ngoài hai khoản đầu tư phát triển của quận/huyện đã ghi ở trên.

***c. Vốn ngân sách nhà nước cấp xã:*** gồm các khoản sau:

*- Vốn cân đối ngân sách cấp xã:* là khoản đầu tư thuộc ngân sách nhà nước cấp xã để phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn cấp xã phù hợp với phân cấp nhiệm vụ kinh tế xã hội, quốc phòng, an ninh đối với từng lĩnh vực và đặc điểm kinh tế, địa lý, dân cư của từng vùng và trình độ quản lý của địa phương.

*- Vốn cấp huyện hỗ trợ đầu tư có mục tiêu:* là khoản vốn đầu tư từ ngân sách của quận/huyện hỗ trợ cho xã/phường/thị trấn theo các chương trình, dự án đầu tư có mục tiêu của nhà nước, tỉnh và huyện.

*- Vốn khác:* là các khoản đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước ngoài hai khoản đầu tư phát triển của xã/phường/thị trấn đã ghi ở trên.

***Lưu ý***: không tính trùng các nguồn vốn giữa ba cấp: cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã.

***1.2. Trái phiếu Chính phủ:*** là trái phiếu do Chính phủ phát hành (hay các công cụ nợ nói chung) nhằm mục đích bù đắp thâm hụt ngân sách, tài trợ cho các công trình công ích hoặc làm công cụ điều tiết tiền tệ.

***1.3. Tín dụng đầu tư phát triển***

- Vốn trong nước gồm:

+ Vốn tín dụng do Nhà nước bảo lãnh: là vốn mà đơn vị chủ đầu tư vay tại các tổ chức tín dụng được các cơ quan Nhà nước (Bộ Tài chính…) hoặc định chế tài chính được chỉ định (do Chính phủ hoặc Thủ tướng Chính phủ bảo lãnh).

+ Vốn tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước: là vốn mà chủ đầu tư có thể được vay hưởng lãi suất ưu đãi hoặc không có lãi suất để đầu tư trong những ngành, lĩnh vực, chương trình kinh tế lớn của Nhà nước và các vùng khó khăn cần khuyến khích đầu tư, đảm bảo hoàn trả được vốn vay.

- Vốn nước ngoài (ODA): là nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (gọi tắt là ODA): Là nguồn vốn được hình thành từ hoạt động hợp tác phát triển giữa Nhà nước hoặc Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam với nhà tài trợ là Chính phủ nước ngoài, các tổ chức tài trợ song phương và các tổ chức liên quốc gia hoặc liên Chính phủ. ODA gồm có: cho vay không hoàn lại, vay ưu đãi và hỗn hợp.

+ ODA cho vay không hoàn lại: là hình thức cung cấp ODA không phải hoàn trả lại cho nhà tài trợ.

+ ODA vay ưu đãi (hay còn gọi là tín dụng ưu đãi): là khoản vay với các điều kiện ưu đãi về lãi suất, thời gian ân hạn và thời gian trả nợ, bảo đảm “yếu tố không hoàn lại” (còn gọi là “thành tố hỗ trợ”) đạt ít nhất 35% đối với các khoản vay có ràng buộc và 25% đối với các khoản vay không ràng buộc.

+ ODA vay hỗn hợp: là các khoản viện trợ không hoàn lại hoặc các khoản vay ưu đãi được cung cấp đồng thời với các khoản tín dụng thương mại, nhưng tính chung lại có “yếu tố không hoàn lại” đạt ít nhất 35 % đối với các khoản vay có ràng buộc và 25% đối với các khoản vay không ràng buộc.

ODA trong nguồn tín dụng đầu tư phát triển là khoản phải hoàn lại theo các điều kiện ưu đãi nêu trên.

***1.4. Vốn vay:*** là số tiền đầu tư mà chủ đầu tư đi vay từ các tổ chức tín dụng trong nước (không bao gồm các tổ chức tín dụng đầu tư của Nhà nước), vay các ngân hàng nước ngoài, vay các tổ chức quốc tế, vay các tổ chức và cá nhân dân cư khác, vay của công ty mẹ hoặc công ty anh (em).

***1.5. Vốn tự có:*** là nguồn vốn được hình thành từ vốn tích lũy thuộc sở hữu của chủ đầu tư, trích ra để đầu tư từ thanh lý tài sản, từ nguồn vốn khấu hao TSCĐ, từ các quỹ, từ hình thức huy động vốn cổ phần, vốn góp liên doanh của các bên đối tác liên doanh.

***1.6. Vốn khác:*** là nguồn đóng góp tự nguyện, cho, biếu, tặng của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, nguồn huy động ngoài các nguồn nêu trên.

**2. Chia theo khoản mục đầu tư:** bao gồm đầu tư xây dựng cơ bản; mua sắm tài sản cố định dùng cho sản xuất không qua xây dựng cơ bản; sửa chữa, nâng cấp tài sản cố định; vốn lưu động bổ sung bằng vốn tự có và đầu tư khác.

***2.1. Xây dựng cơ bản*:** toàn bộ vốn bỏ ra để cho việc khảo sát quy hoạch xây dựng công trình, chuẩn bị đầu tư, thiết kế; chi xây dựng, mua sắm và lắp đặt thiết bị; các chi khác được ghi trong tổng dự toán (bao gồm cả tiền chuyển quyền sử dụng đất). Vốn đầu tư xây dựng cơ bản bao gồm:

- Vốn xây dựng và lắp đặt (vốn xây lắp).

- Vốn mua sắm thiết bị, máy móc (vốn thiết bị).

-Vốn đầu tư xây dựng cơ bản khác.

a. Vốn xây dựng và lắp đặt bao gồm:

+ Chi phá và tháo dỡ các vật liệu kiến trúc cũ (có tính đến giá trị vật tư, vật liệu được thu hồi (nếu có) để giảm vốn đầu tư).

+ Chi san lấp mặt bằng xây dựng.

+ Chi xây dựng công trình tạm, công trình phụ trợ phục vụ thi công (đường thi công, điện nước, nhà xưởng...), nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công (nếu có).

+ Chi xây dựng các hạng mục công trình như làm mới, mở rộng, cải tạo và khôi phục các công trình xây dựng (bao gồm cả việc lắp ghép các cấu kiện trên mặt bằng xây dựng), các hoạt động như đóng cọc, đổ khung, đổ bê tông, ốp đá, bắc giàn giáo, lợp mái, sửa chữa làm thay đổi hoặc mở rộng các công trình...

+ Chi lắp đặt thiết bị gồm: lắp đặt trang thiết bị vật dụng mà chức năng xây dựng phải làm, những hoạt động này thường được thực hiện tại chân công trình xây dựng. Chi phí lắp đặt thiết bị còn bao gồm cả chi phí cho thăm dò, lắp đặt các hệ thống lò sưởi, điều hoà nhiệt độ, thiết bị thông gió, chống ẩm, lắp đặt ăng ten, hệ thống báo động và các công việc khác thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước, thang máy, cầu thang tự động, lắp đặt ống dẫn trong xử lý công nghiệp, lắp máy lạnh, hệ thống chiếu sáng, hệ thống tín hiệu...

+ Hoàn thiện công trình xây dựng gồm: các hoạt động khác nhau có liên quan đến hoàn thiện hoặc kết thúc một công trình như lắp kính, trát vữa, quét vôi, trang trí, lát sàn, hoàn thiện phần mộc, công việc kiến trúc âm thanh, làm sạch ngoại thất... kể cả việc tu sửa các loại trang thiết bị đã đề cập ở trên.

- Chi di chuyển thiết bị thi công và lực lượng xây dựng (trong trường hợp chỉ định thầu nếu có).

b. Mua sắm thiết bị, máy móc bao gồm toàn bộ chi phí để mua sắm thiết bị, máy móc dụng cụ dùng cho sản xuất, kinh doanh, nghiên cứu, thí nghiệm... (kể cả thiết bị cần lắp đặt và thiết bị máy móc không cần lắp đặt) như:

+ Chi mua sắm thiết bị công nghệ gồm cả thiết bị phi tiêu chuẩn cần sản xuất, gia công (nếu có), các trang thiết bị khác phục vụ sản xuất, làm việc, sinh hoạt của công trình (bao gồm thiết bị lắp đặt và thiết bị không cần lắp đặt), kể cả phần đường ống, đường dây trực thuộc máy móc.

+ Chi mua những dụng cụ dùng trong sản xuất (bàn thợ, đá mài,…) dụng cụ đo lường, thiết bị trong phòng thí nghiệm, dụng cụ phục vụ quản lý kinh doanh (máy tính, máy in…).

+ Chi vận chuyển từ nơi mua đến công trình, chi phí lưu kho, lưu bãi, lưu container (nếu có) tại cảng Việt Nam (đối với các thiết bị nhập khẩu), chi phí bảo quản, bảo dưỡng tại kho bãi ở hiện trường; chi phí gia công, kiểm tra thiết bị, máy móc khi đưa vào lắp.

+ Thuế và phí bảo hiểm thiết bị công trình.

*c. Vốn đầu tư xây dựng cơ bản khác:* ngoài vốn xây lắp và thiết bị, trong tổng vốn đầu tư xây dựng cơ bản còn có một bộ phận vốn đầu tư khác là:

- Vốn khác cho giai đoạn chuẩn bị đầu tư:

+ Chi lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo nghiên cứu khả thi.

+ Chi tuyên truyền, quảng cáo (nếu có).

+ Chi nghiên cứu khoa học, công nghệ có liên quan đến dự án đầu tư.

+ Lệ phí thẩm định báo cáo nghiên cứu khả thi của dự án đầu tư.

- Vốn khác ở giai đoạn thực hiện đầu tư:

+ Chi khởi công công trình (nếu có).

+ Chi đền bù và tổ chức thực hiện trong quá trình đền bù đất đai hoa màu, di chuyển dân cư và các công trình trên mặt bằng xây dựng, chi phí phục vụ cho công tác tái định cư và phục hồi (đối với công trình xây dựng của dự án đầu tư có yêu cầu tái định cư và phục hồi).

+ Tiền thuê đất hoặc mua quyền sử dụng đất.

+ Chi khảo sát xây dựng, thiết kế công trình, chi phí mô hình thí nghiệm (nếu có), chi phí lập hồ sơ mời thầu, chi phí cho việc phân tích, đánh giá kết quả đấu thầu, mua sắm vật tư thiết bị; chi phí giám sát thi công xây dựng và các chi phí tư vấn khác,...

+ Chi cho hoạt động của ban quản lý dự án.

+ Chi phí bảo vệ an toàn, bảo vệ môi trường trong quá trình xây dựng công trình (nếu có).

+ Chi kiểm định vật liệu vào công trình (nếu có).

+ Chi lập, thẩm tra đơn giá dự toán; chi phí quản lý.

+ Chi bảo hiểm công trình.

+ Lệ phí địa chính.

+ Lệ phí thẩm định thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật - thi công, tổng dự toán công trình.

- Vốn khác ở giai đoạn kết thúc xây dựng đưa dự án vào khai thác sử dụng:

+ Chi thực hiện việc quy đổi vốn; thẩm tra và phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công trình.

+ Chi tháo dỡ công trình tạm, công trình phụ trợ phục vụ thi công, nhà tạm (trừ giá trị thu hồi)...

+ Chi thu dọn vệ sinh công trình; tổ chức nghiệm thu khánh thành và bàn giao công trình.

+ Chi đào tạo công nhân kỹ thuật và cán bộ quản lý sản xuất (nếu có).

+ Chi thuê chuyên gia vận hành và sản xuất trong thời gian chạy thử (nếu có).

+ Chi nguyên liệu, năng lượng và nhân lực cho quá trình chạy thử không tải và có tải (trừ giá trị sản phẩm thu hồi được)...

***2.2. Mua sắm tài sản cố định (TSCĐ) dùng cho sản xuất không qua xây dựng cơ bản*:** là toàn bộ chi phí mua TSCĐ bổ sung thêm trong kỳ nhưng không qua hoạt động xây dựng cơ bản như: mua nhà dùng cho văn phòng hoặc làm nhà xưởng, mua thêm thiết bị máy móc đơn lẻ bổ sung cho dây chuyền sản xuất hoặc ô tô để chở công nhân…

***2.3. Sửa chữa, nâng cấp TSCĐ:*** là toàn bộ chi phí thực tế phát sinh trong kỳ cho công việc sửa chữa, duy tu, bảo dưỡng TSCĐ của chủ đầu tư (gồm chi phí phải thanh toán cho bên ngoài và chi phí cho phần đơn vị chủ đầu tư tự làm).

***2.4. Vốn lưu động bổ sung bằng vốn tự có*:** là chi phí duy trì và phát triển sản xuất bao gồm vốn đầu tư mua nguyên vật liệu, nhiên liệu, phụ tùng thay thế, vật liệu thiết bị xây dựng cơ bản.

***2.5. Đầu tư khác*:** bao gồm vốn đầu tư của các dự án hỗ trợ kỹ thuật, vốn đầu tư cho các hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển đào tạo, bồi dưỡng phát triển nguồn nhân lực...

**3. Vốn đầu tư chia theo mục đích đầu tư:**

**Mục đích đầu tư:** là mục tiêu cụ thể của dự án/công trình thực hiện đầu tư. Đầu tư cho ngành nào thì tính mục đích đầu tư là ngành đó.

***Quy định***: đầu tư cho mục đích thuộc ngành kinh tế quốc dân nào thì ghi mã ngành kinh tế đó (ghi mã ngành kinh tế VSIC 2007).

Ví dụ:

- Xây nhà với mục đích cho thuê, bán (gồm cả xây nhà bán cho dân cư ở, như doanh nghiệp xây dựng nhà để bán cho dân cư ở): ghi mã ngành kinh doanh bất động sản (ngành L).

- Xây nhà làm việc của các cơ quan hành chính nhà nước, tổ chức đảng, tổ chức chính trị xã hội, an ninh quốc phòng: ghi mã ngành quản lý nhà nước (ngành O).

- Xây nhà cho sản xuất công nghiệp, nhà máy, công trường…: ghi mã ngành công nghiệp tương ứng (ngành C).

- Xây nhà sân bay: ghi mã ngành vận tải hàng không (ngành H).

- Xây bệnh viện, phòng khám: ghi mã ngành y tế (ngành Q).

- Xây trường học: ghi mã ngành giáo dục (ngành P).

- Xây dựng các hệ thống thủy lợi phục vụ ngành nông nghiệp: ghi mã ngành nông nghiệp (ngành A).

- Xây dựng các công trình đường bộ (đường xá, cầu): ghi mã ngành vận tải đường bộ (ngành H).

- Ngành xây dựng xây nhà làm việc, xây các công trình phục vụ ngành xây dựng: ghi mã ngành xây dựng ( ngành F)

….

***Quy ước:***

(1) Dân cư bỏ tiền tự xây nhà để ở: quy ước đưa vào hoạt động sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình (mã ngành 98 thuộc ngành T).

(2) Ban quản lý khu công nghiệp, khu kinh tế, khu chế xuất đầu tư làm hạ tầng cơ sở của khu:

+ Nếu làm đường đi ở ngoài khu phục vụ việc đi vào trong khu nhưng có cả dân cư sử dụng để đị lại: ghi mã ngành vận tải đường bộ (ngành H).

+ Hạ tầng cơ sở trong khu (điện, đường, đường thoát nước…): ghi mã ngành kinh doanh bất động sản (ngành L).

**4. Vốn đầu tư chia theo tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương:** là vốn đầu tư được thực hiện cho dự án/công trình tại một địa điểm nhất định. Dự án/công trình được thực hiện tại tỉnh/thành phố nào thì vốn đầu tư được tính cho tỉnh/thành phố đó.

**Phần II. GIẢI THÍCH NỘI DUNG VÀ CÁCH GHI PHIẾU**

**Phiếu 1/VĐT-DA**

**PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN**

**VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2014**

*(Áp dụng cho chủ đầu tư/ban quản lý dự án/công trình được ủy quyền,*

 *phân cấp thuộc Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh, huyện, xã)*

**A. Đối tượng áp dụng**

- Phiếu này thu thập thông tin về tình hình thực hiện vốn đầu tư phát triển của các dự án/công trình thực hiện trong năm 2014 sử dụng toàn bộ hoặc chủ yếu nguồn vốn nhà nước như vốn ngân sách nhà nước, trái phiếu Chính phủ, tín dụng đầu tư phát triển của nhà nước và các nguồn vốn nhà nước khác để thực hiện đầu tư.

- Đối tượng áp dụng: các chủ đầu tư/ban quản lý dự án được ủy quyền hoặc phân cấp thuộc Bộ ngành và cơ quan trung ương (sau đây gọi tắt là Bộ/ngành), Ủy ban Nhân dân (UBND) các cấp tỉnh, huyện, xã.

- Phạm vi số liệu: áp dụng cho các dự án/công trình chuyển tiếp, khởi công mới trong năm 2014. Phiếu này không điều tra đối với các dự án/công trình không triển khai thực hiện năm 2014, những dự án/công trình đã thi công xong từ năm 2013 trở về trước, năm 2014 chỉ lập kế hoạch vốn để trả nợ.

**- Phân cấp thu thập thông tin:**

(1) Các Bộ, ngành:

 Chịu trách nhiệm thu thập thông tin của các dự án/công trình do Bộ, ngành ban hành quyết định phê duyệt dự án đầu tư và giao cho các đơn vị trực thuộc Bộ, ngành (Cục, vụ, viện và tương đương thuộc khối hành chính sự nghiệp) làm chủ đầu tư (loại trừ các doanh nghiệp trực thuộc bộ, ngành sẽ điều tra theo phiếu điều tra áp dụng cho doanh nghiệp)

Ví dụ: dự án của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Quyết định đầu tư giao cho một trong các đơn vị Cục, Vụ, Viện trực thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm chủ đầu tư.

(2) Cục Thống kê tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương: chịu trách nhiệm thu thập thông tin các dự án/công trình sau:

+ Các dự án/công trình có chủ đầu tư được ủy quyền và phân cấp thuộc UBND các cấp (tỉnh, huyện, xã).

+ Các dự án /công trình do Bộ, ngành trung ương phê duyệt quyết định đầu tư nhưng ủy quyền hoặc phân cấp cho Sở, ngành ở địa phương hoặc các cơ quan thuộc UBND các cấp làm chủ đầu tư.

+ Đối với các cơ quan quản lý ngành dọc như: Tổng cục Thống kê (thuộc bộ Kế hoạch và Đầu tư); Tổng cục Thuế, Tổng cục Hải quan, Kho bạc Nhà nước, Tổng cục Dự trữ quốc gia (thuộc Bộ Tài chính); Kiểm toán Nhà nước, Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao, Tòa án Nhân dân tối cao, Thi hành án: Cục Thống kê chịu trách nhiệm thu thập thông tin các dự án/công trình của các cơ quan ngành dọc này cấp địa phương (tỉnh, huyện, xã) làm chủ đầu tư.

***Quy ước****:* những dự án/công trình mang tính xã hội hóa (sử dụng nguồn vốn do các tổ chức, cá nhân đóng góp ngoài các nguồn vốn nhà nước như ngân sách nhà nước) do UBND cấp xã phê duyệt quyết định đầu tư, nếu các dự án/công trình này nằm trong các Chương trình mục tiêu Quốc gia hay các chương trình mục tiêu cụ thể khác của Chính phủ (ví dụ Chương trình mục tiêu Quốc gia về xây dựng nông thôn mới) thì dù nguồn vốn nhà nước (như ngân sách nhà nước hoặc trái phiếu chính phủ) hỗ trợ ít hoặc nhiều đều quy ước những dự này sẽ được thu thập ở phiếu 1/VĐT-DA mà không thu thập ở phiếu 2/VĐT-X.

***- Quy ước về ghi mã:***

+ Bộ ngành: ghi mã khi Bộ, ngành triển khai thu thập thông tin.

+ Cơ quan thống kê địa phương ghi mã khi Cục Thống kê triển khai thu thập thông tin.

 **B. Cách ghi phiếu điều tra.**

**Mã đơn vị:** cơ quan thống kê ghi theo số thứ tự từ 1 đến hết theo chủ đầu tư/ban quản lý dự án công trình có triển khai điều tra.

Ví dụ: cơ quan Thống kê Tỉnh A có danh sách của 2500 chủ đầu tư/ban quản lý dự án/công trình có điều tra theo phiếu 1/VĐT-DA, thì cơ quan Thống kê sẽ ghi mã đơn vị từ 1 đến 2500 theo danh sách này.

**I. Thông tin về chủ đầu tư/ban quản lý dự án**

***1. Tên chủ đầu tư/ban quản lý dự án****:* ghi tên chủ đầu tư theo đúng như trong quyết định đầu tư.

Mã chủ đầu tư: ghi theo mã danh mục Bộ, ngành, cơ quan Trung ương; cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, huyện, xã.

***Quy ước :***

- Chủ đầu tư là cơ quan nào thì ghi theo mã của cơ quan đó (ví dụ : UBND cấp huyện ghi mã 304, UBND cấp xã ghi mã 403, Sở Y tế ghi mã 228).

- Nếu chủ đầu tư là một đơn vị trực thuộc Bộ, ngành hoặc trực thuộc Sở, ngành hoặc trực thuộc UBND các cấp không có mã cụ thể trong bảng mã thì ghi mã theo mã của đơn vị chủ quản này (nếu đơn vị chủ quản là Bộ, ngành thì ghi mã chủ đầu tư theo mã của bộ ngành, nếu đơn vị chủ quản là sở, ngành thì ghi mã chủ đầu tư theo mã của sở, ngành, trực thuộc UBND cấp nào thì ghi mã của UBND cấp đó).

*Ví dụ:*

+ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt dự án A, giao cho Trung tâm thông tin của Bộ là chủ đầu tư. Như vậy mã của trung tâm thông tin của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn là mã 118 (118 là mã của Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn).

+ UBND tỉnh Thừa Thiên Huế phê duyệt dự án đầu tư xây trường cao đẳng sư phạm Thừa Thiên Huế (trực thuộc UBND tỉnh Thừa Thiên Huế), giao cho trường cao đẳng sư phạm Thừa Thiên Huế làm chủ đầu tư, thì ghi mã của chủ đầu tư là 203 (203 là mã của văn phòng UBND tỉnh).

***2. Địa chỉ:*** ghi đầy đủ địa chỉ theo thứ tự tỉnh, thành phố; huyện, quận, thị xã; xã, phường, thị trấn; thôn ấp, số nhà, đường phố.

Mã tỉnh, thành phố; huyện, quận, thị xã; xã, phường, thị trấn: cơ quan Thống kê ghi theo danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam.

- Số điện thoại: ghi số điện thoại của bộ phận (phòng, ban) trực tiếp cung cấp thông tin điều tra.

- Số fax: ghi số fax nếu có.

- Email: ghi địa chỉ email nếu có.

***3. Tổng số dự án/công trình triển khai trong năm 2014:*** ghi tổng số dự án/công trình do chủ đầu tư/ban quản lý dự án/công trình đang thực hiện trong năm 2014 (gồm cả dự án chuyển tiếp và dự án khởi công mới).

Ví dụ: chủ đầu tư A đang triển khai thực hiện 8 dự án/công trình thì ghi số 8 vào ô cuối cùng, không ghi số 0 trước số 8. (mỗi ô ghi một số). Nếu triển khai 15 dự án thì ghi số 15, không ghi số 0 trước 15 (mỗi ô ghi một số).

8

15

5

***4. Tổng vốn đầu tư thực hiện trong năm 2014 (triệu đồng):*** ghi tổng số vốn đầu tư thực hiện của các dự án/công trình mà chủ đầu tư đang triển khai thực hiện trong năm 2014 (gồm cả dự án chuyển tiếp và dự án khởi công mới).

**II. Công trình hoàn thành và năng lực mới tăng trong năm 2014**: ghi các công trình/hạng mục công trình xây dựng hoàn thành trong năm 2014, bất kể công trình/hạng mục công trình được thực hiện từ những năm trước hoặc trong năm 2014.

Công trình hoàn thành là công trình đã hoàn thành đồng bộ, hoàn chỉnh toàn bộ các giai đoạn thực hiện đầu tư theo thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế kỹ thuật - thi công đã được duyệt, đã nghiệm thu đạt các thông số kỹ thuật và đã bàn giao cho đơn vị sử dụng (bao gồm các hạng mục công trình chính, phụ, kể cả vườn hoa, cây cảnh nếu có).

Trong thực tế có công trình tuy đã hoàn thành nhưng chủ đầu tư chưa làm thủ tục bàn giao cho bên sử dụng, hoặc đã bàn giao cho bên sử dụng trong năm nhưng chưa kết thúc công tác thanh quyết toán thì quy ước vẫn được tính là công trình hoàn thành trong năm. Trường hợp công trình đã hoàn thành, bàn giao cho bên sử dụng những hạng mục, phần việc chính nhưng vẫn còn một số khối lượng công việc phụ phải tiếp tục hoàn tất thì vẫn được tính là công trình hoàn thành trong năm.

***Cột A:*** Số thứ tự: ghi lần lượt thứ tự các công trình, hạng mục công trình xây dựng đã thực hiện hoàn thành trong năm 2014 theo danh mục năng lực mới tăng của các dự án/công trình quy định cho cuộc điều tra này. Nếu công trình, hạng mục công trình không có trong danh mục quy định thì không ghi.

***Cột B:*** Tên công trình: ghi rõ tên công trình, hạng mục công trình xây dựng, sau đó ghi tên viết tắt (nếu có).

***Cột C:*** Mã công trình: cơ quan Thống kê ghi mã số tương ứng với từng công trình, hạng mục công trình đã ghi ở cột B theo danh mục quy định.

***Cột 1, 2:*** địa điểm xây dựng (tên tỉnh/thành phố, mã tỉnh/thành phố): ghi tên tỉnh/thành phố nơi xây dựng công trình, hạng mục công trình. Điều tra viên ghi mã tỉnh/thành phố theo danh mục hành chính Việt Nam được quy định trong cuộc điều tra.

***Cột 3:*** năm khởi công: ghi năm khởi công thực tế của công trình hoặc hạng mục công trình bàn giao.

***Cột 4, 5:*** năng lực mới tăng: là khả năng sản xuất hoặc phục vụ sản xuất tính theo thiết kế khi nghiệm thu bàn giao công trình. Ghi cụ thể đơn vị tính và số lượng theo đơn vị tính của năng lực thiết kế khi bàn giao đưa vào sử dụng.

Trường hợp mở rộng, đổi mới thiết bị hoặc khôi phục từng phần của công trình, hạng mục công trình xây dựng thì chỉ tính phần năng lực mới tăng thêm do đầu tư mới tạo ra (không được tính năng lực của công trình, hạng mục công trình cũ).

***Cột 6:*** tổng vốn đầu tư thực hiện cho công trình: ghi tổng số vốn đầu tư đã hoặc sẽ được quyết toán cho công trình, hạng mục công trình xây dựng khi làm thủ tục nghiệm thu bàn giao.

***Cột 7:*** giá trị tài sản cố định mới tăng của công trình hoàn thành: ghi giá trị công trình, hạng mục công trình xây dựng đã được bàn giao đưa vào sử dụng. Giá trị công trình, hạng mục công trình gồm toàn bộ chi phí trực tiếp cấu thành nên thực thể công trình, gồm chi phí xây lắp và chi phí thiết bị. Giá trị tài sản cố định mới tăng của công trình hoàn thành luôn nhỏ hơn hoặc bằng tổng vốn đầu tư thực hiện cho công trình.

**Phiếu 1.1/VĐT-DA**

**PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN**

**VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2014**

*(Áp dụng cho dự án/công trình do chủ đầu tư/ban quản lý dự án/công trình được ủy quyền, phân cấp thuộc Bộ, ngành; UBND cấp tỉnh, huyện, xã)*

**A. Đối tượng áp dụng**

**-** Phiếu này áp dụng cho các dự án/công trình của chủ đầu tư thực hiện phiếu 1/VĐT-DA.

- Mỗi chủ đầu tư thực hiện một phiếu 1/VĐT-DA. Chủ đầu tư triển khai thực hiện bao nhiêu dự án trong năm 2014 thì sẽ thực hiện bấy nhiêu phiếu 1.1/VĐT-DA.

- Phạm vi số liệu: áp dụng cho các dự án/công trình chuyển tiếp, khởi công mới trong năm 2014. Phiếu này không điều tra đối với các dự án/công trình không triển khai thực hiện năm 2014, những dự án/công trình đã thi công xong từ năm 2013 trở về trước, năm 2014 chỉ lập kế hoạch vốn để trả nợ.

***- Quy ước về ghi mã :***

+ Bộ ngành ghi mã khi Bộ, ngành triển khai thu thập thông tin.

+ Cơ quan thống kê địa phương ghi mã khi Cục Thống kê triển khai thu thập thông tin.

**B. Cách ghi phiếu điều tra**

Phiếu này ghi thông tin cho từng dự án/công trình.

Ví dụ: chủ đầu tư/ban quản lý dự án công trình đang triển khai 10 dự án/công trình trong năm 2014 thì mỗi dự án/công trình sẽ thực hiện ghi thông tin một phiếu này.

Quy ước: Nếu 1 dự án cùng một mục đích đầu tư nhưng triển khai trên nhiều địa bàn, ví dụ: dự án xây dựng đường giao thông nông thôn các xã trong một tỉnh, dự án kiên cố hóa kênh mương các xã trong một tỉnh… thì chủ đầu tư sẽ ghi kết quả thực hiện đầu tư phát triển năm 2014 của từng dự án này vào một phiếu (không tách riêng mỗi xã có triển khai dự án ghi một phiếu).

***Mã đơn vị:*** ghi trùng với mã đơn vị ở phiếu 1/VĐT-DA.

**I. Thông tin chung về dự án/công trình**

***1. Tên dự án/công trình:*** ghi rõ tên dự án/công trình theo Quyết định đầu tư.

Mã dự án/công trình: cơ quan thống kê **ghi theo cột số thứ tự dự án** của bảng kê 1/RS-DA (danh sách dự án/công trình thực hiện trong năm 2014) sau rà soát.

Quy ước: không khi số 0 trước mã dự án,

Ví dụ: dự án “Xây trường phổ thông trung học Hồng Bàng” có số thứ tự dự án (cột A) trong bảng kê 1/RS-DA là 6, thì mã dự án trong phiếu 1.1/VĐT-DA sẽ ghi là 6 (không ghi là 06).

***2. Địa chỉ****:* ghi đầy đủ địa chỉ theo thứ tự tỉnh, thành phố; huyện, quận, thị xã; xã, phường, thị trấn; thôn ấp, số nhà, đường phố. Mã tỉnh, thành phố; huyện, quận, thị xã; xã, phường, thị trấn: cơ quan Thống kê ghi theo danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam.

- Số điện thoại: ghi số điện thoại của bộ phận trực tiếp cung cấp thông tin điều tra. Trường hợp không có điện thoại trực tiếp thì ghi số điện thoại của tổng đài và số máy nhánh của Ban quản lý dự án hoặc chủ đầu tư.

- Số fax: ghi số fax nếu có.

- Email: ghi địa chỉ email nếu có.

***Quy ước*:** Nếu dự án thực hiện qua nhiều địa bàn (liên tỉnh, liên huyện, liên xã) thì quy ước ghi theo địa chỉ của chủ đầu tư.

***3. Cơ quan ban hành quyết định đầu tư:*** ghi tên của cơ quan phê duyệt quyết định đầu tư.

***Quy ước:*** đối với các dự án quan trọng quốc gia và các dự án quan trọng khác do Thủ tướng Chính Phủ phê duyệt quyết định đầu tư thì quy ước ghi cơ quan ban hành quyết định đầu tư là Bộ, ngành hoặc UBND cấp tỉnh được Thủ tướng Chính phủ giao quản lý và thực hiện dự án đầu tư.

***4. Cơ quan ban hành quyết định đầu tư thuộc cấp***: khoanh tròn vào mã số tương ứng câu trả lời phù hợp nhất.

Cơ quan thống kê ghi mã của cơ quan ban hành quyết định đầu tư theo danh mục Bộ, ngành, cơ quan Trung ương; cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, huyện, xã quy định trong phương án điều tra.

Ví dụ: cơ quan ban hành quyết định điều tra là Bộ Giao thông vận tải thì sẽ khoanh mã 1 và ghi vào cột mã số là 126 (Bộ giao thông vận tải). Cơ quan ban hành quyết định đầu tư là UBND tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương thì sẽ khoanh mã 2 và ghi vào cột mã số là 203 (văn phòng UBND cấp tỉnh). Cơ quan ban hành quyết định đầu tư là Sở Kế hoạch và Đầu tư thì sẽ khoanh mã 2 và ghi vào cột mã số là 219. Cơ quan ban hành quyết định đầu tư là UBND cấp huyện thì ghi 304.

***5. Phân loại dự án đầu tư***

5.1. Phân loại theo nhóm dự án: ghi theo quyết định đầu tư được phê duyệt hoặc căn cứ vào Phân loại dự án đầu tư xây dựng công trình ban hành theo Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính Phủ và Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 (tham khảo tại phụ lục II - Phân loại dự án đầu tư xây dựng công trình). Dự án/công trình thuộc loại nào thì khoanh tròn vào số tương ứng.

5.2. Phân loại theo loại dự án: tùy theo loại dự án triển khai để ghi mã thích hợp. Dự án/công trình thuộc loại nào thì khoanh tròn vào số tương ứng.

*- Dự án đầu tư xây dựng công trình:* là dự án đầu tư liên quan đến việc xây dựng mới, mở rộng hoặc cải tạo những công trình xây dựng nhằm mục đích phát triển, duy trì, nâng cao chất lượng công trình hoặc sản phẩm dịch vụ.

*- Dự án đầu tư trang bị máy móc thiết bị*: dự án đầu tư liên quan đến việc mua sắm, nâng cấp trang thiết bị máy móc phục vụ cho hoạt động sản xuất và dịch vụ.

*- Dự án đầu tư khác:* là dự án đầu tư không thuộc 2 loại dự án đầu tư trên.

Quy ước: nếu dự án thực hiện đầu tư từ 2 loại trở lên (dự án vừa thực hiện đầu tư xây dựng công trình vừa thực hiện đầu tư trang bị máy móc thiết bị) thì phân loại theo loại dự án sử dụng tổng vốn đầu tư lớn nhất.

***6. Thời gian khởi công - hoàn thành****:* ghi năm thực tế khởi công và năm dự kiến hoàn thành của dự án. Nếu dự án hoàn thành trong năm 2014 thì ghi năm hoàn thành là 2014.

***7. Mục đích đầu tư chính:*** ghi mục đích đầu tư chính của dự án/công trình. Trường hợp dự án/công trình có nhiều mục đích đầu tư thì ghi mục đích đầu tư chính theo hạng mục hoặc công việc có tổng mức đầu tư lớn nhất của dự án/công trình.

Cơ quan Thống kê ghi mã mục đích đầu tư chính theo mã ngành cấp 2 của Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam 2007 (VSIC 2007).

***8. Tổng vốn đầu tư thực hiện dự án/công trình từ khi triển khai hoặc khởi công đến 31/12/2013:*** ghi tổng số vốn đầu tư thực hiện của toàn bộ dự án/công trình từ khi triển khai hoặc khởi công đến 31/12/2013.

***9. Kết quả thực hiện đầu tư phát triển trong năm 2014***

Khái niệm, nội dung các chỉ tiêu ở cột A xem trong các mục I , II và III của phần I (Một số khái niệm).

- Cột 1: ghi số vốn đầu tư thực hiện trong năm 2014.

**Phiếu 2/VĐT- X**

**PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN**

**VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2014**

*(Áp dụng cho UBND xã/phường/thị trấn có cấp phép công trình*

*mang tính xã hội hóa có nguồn vốn do các tổ chức, cá nhân đóng góp)*

**A. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

Phiếu này thu thập thông tin về kết quả thực hiện đầu tư phát triển của các công trình chuyển tiếp, khởi công mới trong năm 2014; công trình hoàn thành và năng lực mới tăng trong năm 2014 của các công trình mang tính xã hội hóa, sử dụng nguồn vốn của các tổ chức, cá nhân đóng góp là chủ yếu.

Lưu ý:

- Phiếu này chỉ bao gồm những công trình mang tính xã hội hóa được UBND cấp xã cấp phép xây dựng (nhưng UBND xã không phải là chủ đầu tư) hoặc được chủ đầu tư báo cáo cho UBND cấp xã vì công trình thực hiện trên địa bàn xã, những công trình này UBND cấp xã chỉ quản lý về mặt hành chính.

- Những dự án/công trình mang tính xã hội hóa, sử dụng nguồn vốn do các tổ chức, cá nhân đóng góp nhưng do UBND cấp xã phê duyệt quyết định đầu tư hoặc UBND cấp xã làm chủ đầu tư và thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia hoặc các chương trình mục tiêu cụ thể khác của Chính phủ thì quy ước không ghi thông tin và phiếu này mà ghi thông tin vào phiếu 1/VĐT-DA.

**B. CÁCH GHI PHIẾU ĐIỀU TRA**

***Mã đơn vị:*** cơ quan thống kê ghi mã xã/phường/thị trấn theo danh mục hành chính Việt Nam được quy định trong phương án điều tra.

Quy ước: ghi đủ 5 chữ số của mã xã/phường/thị trấn. Ví dụ:

- Phiếu thu thập thông tin của xã Cao Minh (có mã là 08752), thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc thì ô mã đơn vị ghi là 08752.

- Phiếu thập thông tin của phường Liễu Giai (có mã là 00008), quận Ba Đình, thành phố Hà Nội thì ô mã đơn vị ghi là 00008.

**I. Thông tin chung**

***1. UBND xã/phường/thị trấn:*** ghi tên UBND xã/phường/thị trấn theo Quyết định thành lập.

***2. Địa chỉ:*** ghi đầy đủ địa chỉ theo thứ tự tỉnh, thành phố; huyện, quận, thị xã; xã, phường, thị trấn; thôn ấp, số nhà, đường phố.

Mã tỉnh, thành phố; huyện, quận, thị xã; xã, phường, thị trấn: cơ quan Thống kê ghi theo danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam được quy định trong phương án điều tra.

- Số điện thoại: ghi số điện thoại của bộ phận (phòng, ban) trực tiếp cung cấp thông tin điều tra.

- Số fax: ghi số fax nếu có.

- Email: ghi địa chỉ email nếu có.

**II. Kết quả thực hiện đầu tư phát triển năm 2014**

Khái niệm, nội dung các chỉ tiêu ở cột A xem trong phần I (Một số khái niệm), mục III (thực hiện đầu tư phát triển).

- Cột 1: ghi số vốn đầu tư thực hiện trong năm 2014

**III. Công trình hoàn thành và năng lực mới tăng trong năm 2014**

Khái niệm, nội dung và hướng dẫn cách ghi: xem phần B.II phiếu 1.1/VĐT-DA.

**Phiếu 3/VĐT-NCL**

**PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN**

**VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2014**

*(Áp dụng cho chủ đầu tư là đơn vị sự nghiệp công lập có đầu tư từ nguồn vốn*

*tự có, vốn liên doanh, liên kết; đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; tổ chức xã hội;*

*tổ chức xã hội- nghề nghiệp; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng)*

**A. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

Phiếu này thu thập thông tin về kết quả thực hiện đầu tư trong năm 2014; công trình hoàn thành và năng lực mới tăng trong năm 2014 của chủ đầu tư là:

- Đơn vị sự nghiệp công lập có thực hiện đầu tư từ nguồn vốn tự có, vốn liên doanh, liên kết. Những dự án/công trình đầu tư từ nguồn vốn nhà nước (như ngân sách nhà nước, trái phiếu Chính phủ,…) thì quy ước ghi thông tin tại phiếu 1.1/VĐT-DA.

- Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; tổ chức xã hội; tổ chức - nghề nghiệp; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng có thực hiện đầu tư từ tất cả các nguồn vốn.

**B. CÁCH GHI PHIẾU ĐIỀU TRA**

**Mã đơn vị:** ghi theo mã đơn vị của bảng kê 2/RS-NCL (Kết quả rà soát đơn vị sự nghiệp công lập; đơn vị sự nghiệp ngoài công lập; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội- nghề nghiệp; cơ sở tôn giáo, tín ngưỡng có đầu tư trong năm 2014) sau rà soát.

**I. Thông tin chung**

**1. Tên chủ đầu tư:** ghi tên đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, cơ sở tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng có thực hiện đầu tư trong năm 2014.

**2. Địa chỉ:** ghi đầy đủ địa chỉ theo thứ tự tỉnh, thành phố; huyện, quận, thị xã; xã, phường, thị trấn; thôn ấp, số nhà, đường phố. Mã tỉnh, thành phố; huyện, quận, thị xã; xã, phường, thị trấn: do cơ quan Thống kê ghi theo danh mục các đơn vị hành chính quy định trong cuộc điều tra.

- Số điện thoại: ghi số điện thoại của bộ phận có liên quan trực tiếp đến số liệu điều tra.

- Số fax: ghi số fax nếu có.

- Email: ghi địa chỉ email nếu có.

**3. Loại hình của chủ đầu tư:** khoanh tròn vào một mã số tương ứng câu trả lời phù hợp.

Khái niệm đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị sự nghiệp ngoài công lập, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, cơ sở tôn giáo, cơ sở tín ngưỡng trong cuộc điều tra này được quy định như sau:

- Đơn vị sự nghiệp công lập là tổ chức do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thành lập theo quy định của pháp luật, có tư cách pháp nhân, cung cấp dịch vụ công, phục vụ quản lý nhà nước. Đơn vị sự nghiệp công lập gồm: (1) đơn vị sự nghiệp công lập được giao quyền tự chủ hoàn toàn về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự; (2) đơn vị sự nghiệp công lập chưa được giao quyền tự chủ hoàn toàn về thực hiện nhiệm vụ, tài chính, tổ chức bộ máy, nhân sự.

- Đơn vị sự nghiệp ngoài công lập: là đơn vị do tư nhân trong nước, tư nhân nước ngoài hoặc tư nhân trong nước liên doanh với tư nhân nước ngoài đăng ký thành lập nhưng không hoạt động theo Luật doanh nghiệp, tự lo vốn và kinh phí hoạt động, lấy thu bù chi trong các lĩnh vực y tế, giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ, văn hóa thể thao.

- Tổ chức xã hội bao gồm: hội người cao tuổi, hội bảo trợ người tàn tật và trẻ mồ côi, hội khuyến học, hội người mù, hội phật giáo, ủy ban đoàn kết công giáo, các tổ chức tôn giáo.

- Tổ chức xã hội - nghề nghiệp bao gồm: hội liên hiệp văn học nghệ thuật, hội nhà văn, hội điện ảnh, hội mỹ thuật, hội sân khấu, hội nhà báo, hội luật gia, hội đông y, hội văn học nghệ thuật các dân tộc thiểu số, tổng hội y học, hội kiến trúc sư, hội khoa học kỹ thuật nhiệt, hội điện lực, hội nhạc sỹ, liên hiệp các hội khoa học kỹ thuật, hội nghệ sĩ nhiếp ảnh, hội văn nghệ dân gian, hội nghệ sỹ múa,…

- Cơ sở tôn giáo: là nơi thờ tự, tu hành, nơi đào tạo người chuyên hoạt động tôn giáo, trụ sở của các tổ chức tôn giáo và là những cơ sở khác của tôn giáo được Nhà nước công nhận như: chùa, tự, viện, tịnh xá, niệm phật đường, nhà thờ, nhà thờ họ công giáo, nhà nguyện, thánh thất, thánh đường, tu viện, trường đào tạo riêng của tôn giáo.

- Cơ sở tín ngưỡng: là nơi thực hiện hoạt động tín ngưỡng của cộng đồng và chỉ bao gồm: đình, đền, phủ, am. Loại trừ các cơ sở tín ngưỡng là miếu, từ đường, nhà thờ họ (của dòng họ).

**4. Tên đơn vị chủ quản cấp trên của chủ đầu tư:** mục này chỉ ghi thông tin đối với chủ đầu tư là đơn vị sự nghiệp công lập. Điều tra viên ghi tên đơn vị quản lý hành chính cấp trên của chủ đầu tư.

Mã đơn vị chủ quản: cơ quan thống kê ghi mã đơn vị chủ quản theo danh mục Bộ, ngành, cơ quan Trung ương, cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, huyện, xã.

**II. Kết quả thực hiện đầu tư phát triển năm 2014**

Khái niệm, nội dung các chỉ tiêu ở cột A xem trong phần I (Một số khái niệm), mục III (Thực hiện đầu tư phát triển).

- Cột 1: ghi số vốn đầu tư thực hiện trong năm 2014.

**III. Công trình hoàn thành và năng lực mới tăng trong năm 2014**

Khái niệm, nội dung và hướng dẫn cách ghi: xem phần B.II phiếu 1.1/VĐT-DA.

**Phiếu 4/VĐT-DN**

**PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN**

**VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2014**

*(Áp dụng cho chủ đầu tư là doanh nghiệp, hợp tác xã)*

**A. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

Phiếu này nhằm thu thập thông tin về vốn đầu tư thực hiện năm 2014 của các loại hình doanh nghiệp: doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp ngoài nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và hợp tác xã/liên hiệp hợp tác xã.

**B. GIẢI THÍCH NỘI DUNG VÀ CÁCH GHI PHIẾU**

**I. Thông tin chung**

## ***1. Tên doanh nghiệp/hợp tác xã*** (*sau đây gọi chung là doanh nghiệp*): ghi tên chính thức của doanh nghiệp bằng chữ in hoa theo quyết định thành lập doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp.

- Mã số thuế: ghi mã số thuế do cơ quan Thuế/cơ quan Quản lý đăng ký kinh doanh cấp.

## ***2. Địa chỉ doanh nghiệp:*** ghi địa chỉ trụ sở giao dịch chính của doanh nghiệp (Ghi đầy đủ, không viết tắt các thông tin theo yêu cầu vào các dòng tương ứng trong phiếu điều tra để ghi mã đúng, các ô mã trong mục địa chỉ do Cơ quan Thống kê ghi).

- Số điện thoại, số Fax, địa chỉ Email: trong trường hợp doanh nghiệp có nhiều số điện thoại, Fax, địa chỉ email thì ghi số điện thoại, số Fax, địa chỉ Email của bộ phận chịu trách nhiệm chính thực hiện phiếu điều tra này hoặc bộ phận hành chính của doanh nghiệp.

***3. Tình trạng hoạt động của doanh nghiệp:*** khoanh tròn vào chữ số thích hợp tương ứng với tình trạng hoạt động của doanh nghiệp.

***4. Loại hình kinh tế của doanh nghiệp:***

Khoanh tròn vào một chữ số phù hợp với loại hình tương ứng của doanh nghiệp.

- Nếu doanh nghiệp thuộc loại hình công ty cổ phần có vốn nhà nước trên 50%, sau khi khoanh tròn chữ số 03, ghi tiếp phần trăm (%) vốn Nhà nước trung ương và vốn Nhà nước địa phương tính theo vốn điều lệ tham gia vào công ty cổ phần có đến cuối năm 2014. Nếu doanh nghiệp thuộc loại hình công ty cổ phần có vốn nhà nước dưới hoặc bằng 50%, sau khi khoanh tròn chữ số 10, ghi tiếp phần trăm (%) vốn Nhà nước theo vốn điều lệ tham gia vào công ty cổ phần có đến cuối năm 2014.

- Trường hợp doanh nghiệp nhà nước trong thực tế chưa chuyển đổi hoạt động theo Luật doanh nghiệp 2005 thì khoanh tròn mã 04.

- Các doanh nghiệp chuyển đổi loại hình doanh nghiệp trong năm thì xếp doanh nghiệp theo đúng loại hình mới tại thời điểm 31/12/2014.

- Các doanh nghiệp được sáp nhập trong năm thì chỉ làm một phiếu điều tra cho doanh nghiệp mới được sáp nhập, nhưng số liệu là số cả năm của tất cả các doanh nghiệp trước khi sáp nhập.

- Các doanh nghiệp được chia tách thì mỗi một doanh nghiệp mới làm một phiếu điều tra. Số liệu của thời gian chưa chia tách sẽ được chia ra cho từng doanh nghiệp. Trường hợp không chia được thì quy ước ghi vào cho doanh nghiệp có quy mô lớn nhất.

- Nếu doanh nghiệp thuộc loại hình hợp tác xã, sau khi khoanh tròn mã 05, sẽ ghi tiếp mã là hợp tác xã (mã 5.1), liên hiệp hợp tác xã (mã 5.2), quỹ tín dụng nhân dân (mã 5.3).

5. Tên đơn vị chủ quản: ghi tên và mã Bộ/ngành mà doanh nghiệp NNTW trực thuộc tương ứng trong danh mục mã Bộ/ngành. Trường hợp doanh nghiệp không trực thuộc Bộ/ngành nào, đề nghị ghi mã “000” vào ô mã Bộ/ngành.

*6. Các ngành thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) năm 2014*

Mục này chỉ liệt kê các ngành thực tế có hoạt động trong năm 2014. Nếu đăng ký kinh doanh có nhiều ngành nhưng thực tế năm 2013 không hoạt động thì không ghi.

*6.1 Ngành SXKD chính:* ghi cụ thể tên ngành SXKD chính của doanh nghiệp. Ngành SXKD chính là ngành chiếm tỷ trọng lớn nhất về giá trị sản xuất năm 2014. Nếu không xác định được giá trị sản xuất thì căn cứ vào ngành có doanh thu lớn nhất hoặc ngành sử dụng nhiều lao động nhất.

Lưu ý: Các công ty hoạt động chính trong lĩnh vực chứng khoán bao gồm: Công ty chứng khoán (66120), Công ty quản lý quỹ và Quỹ đầu tư chứng khoán (66300)

*6.2 Ngành SXKD khác:* ngoài ngành SXKD chính, nếu doanh nghiệp còn các ngành SXKD khác thực tế có hoạt động trong năm 2014 thì ghi vào các dòng tiếp theo. Ngành SXKD khác phải là những ngành tạo ra các sản phẩm, dịch vụ là hàng hoá có bán ra ngoài phạm vi doanh nghiệp. Không ghi vào mục này những ngành SXKD nằm trong dây chuyền sản xuất chính nhằm phục vụ cho ngành sản xuất chính của doanh nghiệp như: xưởng cơ khí làm nhiệm vụ sửa chữa thiết bị trong nội bộ doanh nghiệp; phân xưởng làm vỏ hộp trong các nhà máy hoa quả hộp...

Căn cứ vào tên của các ngành SXKD, cán bộ Cục Thống kê tỉnh, TP ghi mã ngành kinh tế quốc dân theo mã VSIC 2007 (5 chữ số) cho ngành SXKD chính và các ngành SXKD khác vào ô mã quy định.

II. Kết quả thực hiện đầu tư phát triển năm 2014

Vốn đầu tư là vốn bỏ ra để thực hiện mục đích đầu tư của doanh nghiệp như đầu tư cho XDCB, mua sắm, sửa chữa lớn TSCĐ, bổ sung thêm vốn lưu động từ nguồn vốn tự có của doanh nghiệp... nhằm sau một chu kỳ hoạt động, hoặc sau một thời gian nhất định thu về một giá trị lớn hơn giá trị vốn đã bỏ ra ban đầu.

Trong cuộc điều tra này, vốn đầu tư của doanh nghiệp quy định chỉ gồm các yếu tố sau:

- Vốn đầu tư với mục đích tăng thêm tài sản cố định của doanh nghiệp thông qua hoạt động XDCB (kể cả vốn thiết bị và vốn đầu tư mua sắm phương tiện vận tải, máy móc thiết bị lẻ không qua đầu tư XDCB).

- Vốn thuộc quyền sở hữu của chủ doanh nghiệp bỏ ra để bổ sung thêm vào vốn lưu động (không tính các nguồn vốn vay, vốn chiếm dụng, vốn huy động khác bổ sung vào cho vốn lưu động).

- Vốn đầu tư khác cho hỗ trợ kỹ thuật, nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và nguồn nhân lực.

Lưu ý: Đối với doanh nghiệp, vốn đầu tư trong năm bao gồm cả các khoản đầu tư mang tính chuyển nhượng quyền sử dụng hoặc quyền sở hữu giữa các cá nhân, các đơn vị, các tổ chức trong nội bộ nền kinh tế. Cụ thể là vốn đầu tư trong năm của doanh nghiệp được tính cả tiền mua quyền sử dụng đất, tiền mua các thiết bị, nhà cửa, kho tàng đã qua sử dụng của đơn vị, cá nhân trong nước.

*Cột A:* xem giải thích nội dung các chỉ tiêu ở Phần I (mục II, III).

*Cột 1:* ghi số vốn đầu tư thực hiện trong năm 2014 của doanh nghiệp.

III. Công trình hoàn thành và năng lực mới tăng trong năm 2014: Xem giải thích và hướng dẫn cách ghi phiếu ở mục B.II phiếu 1.1/VĐT-DA.

IV. Năng lực sản xuất của doanh nghiệp có đến 31/12/2014

Công suất thiết kế là công suất tính được dựa trên tiềm lực của máy phát lực và máy công tác trong điều kiện làm việc bình thường. Dùng để biểu hiện khả năng sản xuất của máy trong một thời gian dài và thường được ghi rõ trên nhãn hiệu cũng như trong lí lịch thiết kế của máy. Công suất thiết kế được tính bằng các đơn vị đo lường khác nhau như đối với các máy chế biến nông sản phẩm được tính bằng tấn/giờ, tấn/năm; đối với máy bơm nước là m3/giờ; đối với máy kéo và máy cày là số mã lực; đối với máy phát điện là kW/h, vv…

Công suất hiện có là công suất tính được dựa trên tiềm lực của máy phát lực và máy công tác trong điều kiện làm việc bình thường của lần nâng cấp hệ thống gần nhất. Trên thực tế, công suất hiện có thường cao hơn công suất thiết kế. Trong trường hợp một hệ thống máy móc từ khi đưa vào sử dụng cho đến thời điểm điều tra chưa có một lần nâng cấp hệ thống nào, thì có thể công suất hiện có sẽ thấp hơn công suất thiết kế.

Công suất sử dụng là công suất đã được sử dụng thực tế trong quá trình sản xuất của từng máy móc, thiết bị hoặc toàn bộ hệ thống máy móc, thiết bị, cho từng thời gian (tháng, quý, cả năm hoặc từng thời kì nhiều năm). Chỉ tiêu về công suất sử dụng của máy móc, thiết bị rất có ý nghĩa khi phân tích hiệu quả kinh tế. Công suất sử dụng thực tế nói chung thường thấp hơn công suất thiết kế do các yếu tố vật chất để vận hành máy móc, thiết bị khi thiết kế được giả định là hoàn hảo.

*Cột A:* Tên nhà máy: ghi tên chính thức của nhà máy theo quyết định thành lập hoặc phê duyệt.

*Cột B:* Mã số: điều tra viên ghi mã số theo danh mục năng lực chủ yếu kèm theo phương án điều tra.

*Cột 1, 2:* Địa điểm: ghi tên tỉnh/thành phố nơi nhà máy hoạt động, điều tra viên ghi mã tỉnh/thành phố theo danh mục hành chính.

*Cột 1:* Công suất thiết kế: ghi công suất thiết kế của nhà máy.

*Cột 2:* Công suất hiện có: ghi công suất tối đa tại thời điểm hiện tại của nhà máy.

*Cột 3:* Công suất sử dụng: ghi công suất thực tế nhà máy đang vận hành.

**Phiếu 5/VĐT-TT**

**PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

**ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA TRANG TRẠI NĂM 2014**

*(Áp dụng cho trang trại có đầu tư cho sản xuất kinh doanh và cho nhà ở)*

A. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Phiếu này nhằm thu thập thông tin của trang trại có thực hiện đầu tư nhằm duy trì và mở rộng sản xuất kinh doanh hoặc đầu tư về xây dựng mới, sửa chữa nhà ở, nâng cấp nhà ở trong kỳ điều tra.

Chủ trang trại hoặc người nắm nhiều thông tin về đầu tư cho nhà ở và cho sản xuất kinh doanh của trang trại là người trả lời phiếu điều tra.

Trang trại được quy định tại Thông tư số 27/2011/TT-BNNPTNT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn như sau:

Cá nhân, hộ gia đình sản xuất nông, lâm nghiêp, nuôi trồng thuỷ sản đạt tiêu chuẩn kinh tế trang trại phải thoả mãn điều kiện sau:

- Đối với cơ sở trồng trọt, nuôi trồng thuỷ sản, sản xuất tổng hợp phải đạt 2 điều kiện sau:

+ Có diện tích trên mức hạn điền, tối thiểu: 3,1 ha đối với vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long; hoặc 2,1 ha đối với các tỉnh còn lại.

+ Giá trị sản lượng hàng hoá đạt 700 triệu đồng/năm.

- Đối với cơ sở chăn nuôi phải đạt giá trị sản lượng hàng hoá từ 1 tỷ đồng/năm trở lên.

- Đối với cơ sở sản xuất lâm nghiệp phải có diện tích tối thiểu 31 ha và giá trị sản lượng hàng hoá bình quân đạt 500 triệu đồng/năm trở lên.

**B. GIẢI THÍCH NỘI DUNG VÀ CÁCH GHI PHIẾU**

**I. Thông tin chung**

***Mã trang trại:*** ghi theo mã trang trang trại của bảng kê số 4/RS-TT (Kết quả rà soát trang trại có thực hiện đầu tư trong năm 2014) sau rà soát.

***1. Họ và tên chủ trang trại:*** ghi họ và tên chủ trang trại theo sổ hộ khẩu. Đối với những hộ chưa có hộ khẩu thì ghi tên người nắm được nhiều thông tin về tình hình đầu tư của trang trại.

***2. Địa chỉ***: điều tra viên ghi đầy đủ thông tin địa chỉ của trang trại. Các ô mã địa chỉ của trang trại do cơ quan Thống kê ghi theo danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam được quy định trong phương án điều tra.

***Điện thoại:*** ghi số điện thoại cố định hoặc di động của chủ trang trại hoặc người trả lời phiếu thu thập thông tin.

***3. Tỷ lệ vốn đầu tư của trang trại:*** chủ trang trại ước tính tỷ lệ phần trăm số tiền đã đầu tư cho sản xuất kinh doanh và cho nhà ở.

Đầu tư cho nhà ở: là số tiền chi ra cho việc xây dựng mới, sửa chữa lớn, nâng cấp nhà ở.

+ Xây dựng mới nhà ở: là hoạt động xây dựng để tạo ra sản phẩm nhà ở mới phục vụ nhu cầu đời sống của hộ.

+ Sửa chữa lớn nhà ở: là công việc sửa chữa nhằm cải tạo, khôi phục những phần đã bị hao mòn hư hỏng, phục hồi hình thái tự nhiên của ngôi nhà, đảm bảo cho nhà cửa sử dụng được bình thường. Sửa chữa lớn thường làm thay đổi kết cấu chịu lực của ngôi nhà.

+ Nâng cấp nhà ở: là cải tạo ngôi nhà hoặc một phần ngôi nhà, nhằm kéo dài thời gian sử dụng, tăng chất lượng sử dụng, bổ sung trang thiết bị cho ngôi nhà, có thể làm tăng diện tích sử dụng.

***7. Mục đích đầu tư cho sản xuất kinh doanh:*** nếu trang trại có đầu tư cho sản xuất kinh doanh thì ghi mục đích chính đề đầu tư cho sản xuất kinh doanh. Điều tra viên ghi mã ngành đầu tư theo danh mục ngành kinh tế Việt Nam 2007 ngành cấp 2.

**II. Kết quả thực hiện đầu tư phát triển năm 2014**

***\* Cột A:***

***Tổng số****:* là tổng số tiền trang trại đã chi ra để đầu tư cho nhà ở và cho mục đích sản xuất kinh doanh trong kỳ điều tra.

***A. Chia theo nguồn vốn***

*1. Ngân sách nhà nước:* là số tiền mà nhà nước hỗ trợ tạo điều kiện, khuyến khích chủ trang trại đầu tư cho sản xuất kinh doanh, phát triển ngành nghề... và/hoặc nguồn vốn mà Nhà nước hỗ trợ theo chương trình mục tiêu quốc gia, xoá nhà tạm, nhà tranh đối với những hộ được hưởng chính sách xã hội.

*2. Tín dụng đầu tư phát triển:* là số tiền vốn mà trang trại được vay từ nguồn vốn đầu tư phát triển của nhà nước để phục vụ cho đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh;

*3. Vốn vay:* là số tiền đầu tư của trang trại vay từ các ngân hàng thương mại, các quỹ tín dụng trong nước; vay từ các ngân hàng, tổ chức nước ngoài; vay từ các tổ chức (Hội Phụ nữ, chương trình xoá đói giảm nghèo...) và vay của các cá nhân.

- Vay ngân hàng thương mại nhà nước: là số tiền đầu tư của trang trại vay của các ngân hàng thương mại nhà nước để đầu tư (ngân hàng của nhà nước) như Ngân hàng Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Đầu tư Phát triển...

- Vay ngân hàng ngoài nhà nước: là số tiền đầu tư của trang trại vay của các ngân hàng thương mại ngoài nhà nước như Ngân hàng Techcombank, Ngân hàng Đông Á, Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn...

*4. Vốn tự có:* là tổng số tiền đầu tư từ lợi nhuận hoạt động của trang trại, từ huy động vốn cổ phần, vốn góp liên doanh, từ tiết kiệm, bán tài sản của trang trại hoặc tài sản thừa kế và lao động tự làm (lao động của những người trong trang trại và anh em, bạn bè làm giúp), nguyên vật liệu tự túc được quy ra tiền. Vốn tự có có thể là tiền hoặc hiện vật.

- Vốn bằng hiện vật: là số tiền được quy ra giá trị theo giá tương ứng của từng loại hiện vật trên thị trường;

- Vốn bằng nguyên vật liệu tự có: là số tiền được quy ra từ lao động tự làm và nguyên vật liệu tự túc theo giá thị trường.

*5. Vốn huy động từ các nguồn khác:* là số tiền đầu tư của trang trại nhận được từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho, tặng, biếu, số tiền này trang trại được toàn quyền sử dụng và không phải hoàn trả.

***B. Chia theo khoản mục đầu tư***

*Máy móc, thiết bị đã qua sử dụng trong nước*: là tổng số tiền trang trại bỏ ra để mua TSCĐ cũ đã qua sử dụng ở trong nước.

*1. Xây dựng cơ bản:* là tổng số tiền mà trang trại đã đầu tư xây dựng trong kỳ, kể cả chi phí lao động tự làm, giá trị nguyên vật liệu tự túc, bao gồm: mua nguyên vật liệu như xi măng, sắt thép, vôi, gạch ngói, gỗ và chi phí mua máy móc thiết bị (gồm máy móc đặt vào công trình); thuê nhân công, thuê máy móc thiết bị thi công, các khoản chi phí vận chuyển vật liệu, chi phí về điện, nước.

*Đối với trang trại đầu tư cho sản xuất kinh doanh*: gồm các chi phí xây dựng các hạng mục công trình, chi phí mua và lắp đặt máy móc thiết bị, chi phí khai hoang, cải tạo, san, lấp đất; chi phí xây dựng và cải tạo ao nuôi trồng thuỷ sản, trồng mới, chăm sóc vườn cây lâu năm, trồng rừng và chăm sóc rừng trong thời gian chưa thu hoạch sản phẩm, chi phí đầu tư xây dựng cơ bản khác.

*Đối với trang trại có đầu tư cho nhà ở:* gồm toàn bộ chi phí xây dựng mới nhà ở, bao gồm: Chi phí phá và tháo dỡ ngôi nhà, chi phí san lấp mặt bằng xây dựng, các hoạt động như đóng cọc, xây dựng, đổ khung, đổ bê tông, ốp đá, bắc giàn giáo, lợp mái..., chi phí hoàn thiện công trình nhà như lắp kính, trát vữa, quét vôi, trang trí, lát sàn, hoàn thiện phần mộc, công việc kiến trúc âm thanh, làm sạch ngoại thất...

Chia ra:

+ Xây dựng và lắp đặt: là toàn bộ chi phí cho hoạt động xây dựng và lắp đặt các máy móc thiết bị đi kèm với công trình xây dựng như: xây dựng các hạng mục công trình, lắp đặt thiết bị, hoàn thiện công trình, chi phí phá dỡ các vật liệu kiến trúc cũ, san lấp mặt bằng xây dựng, xây dựng công trình tạm, công trình phụ trợ phục vụ thi công, nhà tạm.

+ Máy móc thiết bị: là toàn bộ giá trị của máy móc thiết bị được lắp đặt vào công trình xây dựng (không bao gồm chi phí lắp đặt).

+ Vốn đầu tư xây dựng cơ bản khác: là các khoản chi phí khác trong xây dựng cơ bản chưa được phản ánh vào mục xây lắp và máy móc thiết bị nói trên.

*Tiền thuê đất hoặc mua quyền sử dụng đất:* là số tiền hộ chi ra để thuê đất hoặc mua quyền sử dụng đất hoặc mua đất, mua nhà phục vụ cho sản xuất kinh doanh và cho mục đích ở.

*Lưu ý:*

- Nếu chủ trang trại không nhớ chính xác các khoản chi phí trên, điều tra viên cùng với chủ trang trại ước tính bằng cách lấy khối lượng từng loại nguyên vật liệu, ngày công lao động thuê ngoài nhân với đơn giá bình quân ở địa phương để tính vào tổng vốn đầu tư. Lao động tự làm và nguyên vật liệu tự túc ước tính như lao động thuê ngoài và nguyên vật liệu mua ngoài.

*2. Mua sắm tài sản cố định dùng cho sản xuất không qua xây dựng cơ bản:* là tổng số tiền thực tế mà trang trại đã chi trong kỳ để mua TSCĐ không qua xây dựng cơ bản bao gồm cả chi phí lắp đặt, chạy thử (có thể trong kỳ trang trại đã thanh toán nhưng chưa nhận được).

Đối với trang trại: vốn mua TSCĐ không qua hoạt động xây dựng cơ bản gồm: mua nhà xưởng, kho tàng; mua vườn cây lâu năm, rừng cây lâm nghiệp, đất trồng cây hàng năm, mặt nước nuôi trồng thuỷ sản...; mua gia súc, gia cầm cơ bản; mua sắm máy móc thiết bị không qua xây dựng, mua sắm TSCĐ khác.

*Lưu ý:*

- Đối với TSCĐ tuy đã qua sử dụng nhưng được nhập khẩu từ nước ngoài thì được coi là tài sản mới vì tài sản đó thực tế sẽ làm tăng tài sản tích luỹ cho toàn xã hội.

*3. Sửa chữa lớn, nâng cấp tài sản cố định:* là số tiền trang trại đã chi trong kỳ để sửa chữa, nâng cấp TSCĐ.

- Sửa chữa lớn TSCĐ: là số tiền trang trại đã chi cho việc duy tu, bảo dưỡng, thay thế, sửa chữa những hư hỏng phát sinh trong quá trình hoạt động nhằm khôi phục lại những năng lực hoạt động theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu của TSCĐ.

- Nâng cấp TSCĐ: là số tiền trang trại chi cho hoạt động cải tạo, xây lắp, trang bị bổ sung thêm cho TSCĐ nhằm nâng cao công suất, chất lượng sản phẩm, tính năng, tác dụng của TSCĐ so với mức ban đầu hoặc kéo dài thời gian sử dụng của TSCĐ; đưa vào áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của TSCĐ so với trước.

- Sửa chữa và nâng cấp nhà ở: là toàn bộ chi phí thực tế chi ra trong kỳ cho công việc sửa chữa, nâng cấp, mở rộng nhà ở của trang trại, bao gồm chi phí thanh toán như vật liệu, nhân công, thuê máy móc thiết bị, ...và vật liệu, ngày công tự túc của trang trại.

*4. Vốn lưu động bổ sung bằng vốn tự có:* là chi phí duy trì và phát triển sản xuất của trang trại bao gồm vốn đầu tư mua nguyên vật liệu, nhiên liệu, phụ tùng thay thế. Chỉ ghi thông tin vào mục này đối với trường hợp trang trại có đầu tư cho sản xuất kinh doanh.

*5. Đầu tư khác:* gồm các khoản chi đầu tư khác ngoài các khoản đầu tư đã ghi ở các mục trên.

***\* Cột 1****:* ghi số thực hiện năm 2014.

**III. Công trình hoàn thành và năng lực mới tăng trong năm 2014**

***Cột 1:*** số lượng: căn cứ vào tên và đơn vị tính của từng công trình, ghi số lượng hoàn thành tương ứng với từng loại công trình.

*Lưu ý*: trường hợp mở rộng, đổi mới thiết bị hoặc khôi phục từng phần của công trình thì chỉ tính phần năng lực mới tăng thêm do đầu tư mới tạo ra (không được tính năng lực của công trình cũ).

***Cột 2:*** năm khởi công: ghi năm khởi công thực tế của công trình.

***Cột 3:*** tổng vốn đầu tư thực hiện: ghi tổng số tiền đầu tư vào công trình từ khi khởi công đến khi hoàn thành. Với những công trình không ghi năm khởi công (diện tích trồng, tưới, tiêu, ngăn mặn, khai hoang, phục hóa…) thì tổng vốn đầu tư thực hiện là là số tiền trang trại đã chi ra để làm tăng mới những phần diện tích này trong năm.

**IV. Nhà ở hoàn thành trong năm 2014**

Phần này ghi thông tin về nhà ở xây dựng mới, sữa chữa lớn hoặc nâng cấp hoàn thành trong năm do trang trại chi tiền để thực hiện, bao gồm cả nhà do trang trại thuê doanh nghiệp thi công, thuê các đơn vị cá thể thi công hoặc trang trại tự xây dựng, sửa chữa lớn hoặc nâng cấp.

***\* Cột A:***

- Nhà riêng lẻ: là những ngôi nhà được xây dựng dùng để ở trên một khuôn viên độc lập với nhau, có tường riêng, lối đi riêng. Những ngôi nhà một tầng chung móng, chung tường cũng được tính là nhà riêng lẻ.

+ Nhà kiên cố: gồm các loại nhà xây, nhà lắp ghép cấu kiện bê tông, nhà xây mái bằng.

+ Nhà bán kiên cố: gồm các loại nhà có tường xây, ghép gỗ, khung gỗ và có mái lợp bằng ngói, tôn, tấm lợp, tấm mạ…Hoặc xây dựng bằng các vật liệu tương đương.

+ Nhà khung gỗ lâu bền: gồm các loại nhà có khung chịu lực làm bằng gỗ (toàn bộ phần mái do các cột bằng gỗ chắc chắn đỡ), có niên hạn sử dụng trên 15 năm, có mái bằng tranh, tre, nứa, lá, giấy dầu.

+ Nhà khác: gồm các loại nhà không thuộc các nhóm nhà nêu trên. Loại này có kết cấu đơn giản, vật liệu thô sơ, tường nhà thường làm bằng đất, đá, lá, cót… mái nhà thường lợp tranh, tre, nứa, lá, giấy dầu.

- Nhà biệt thự: là nhà ở riêng biệt, có sân, vườn (cây xanh, thảm cỏ, vườn hoa…), tường rào và lối ra vào riêng biệt; có cấu trúc hoàn chỉnh, khép kín (đầy đủ các phòng ngủ, sinh hoạt chung, bếp ăn, vệ sinh, kho, để xe …); có ít nhất 02 mặt nhà liền kề trông ra sân hoặc vườn.

*Các loại nhà ở truyền thống khu vực nông thôn, miền núi với cấu trúc không hoàn chỉnh, khép kín không được xếp vào loại hình nhà ở biệt thự.*

***\* Cột 1:*** ghi diện tích xây dựng, sửa chữa lớn hoặc nâng cấp nhà ở hoàn thành trong năm 2014 của trang trại.

Diện tích nhà ở hoàn thành trong năm của trang trại là tổng diện tích sàn xây dựng dùng cho mục đích để ở và sinh hoạt của trang trại. Riêng với nhà riêng lẻ ở nông thôn, chỉ tính cho ngôi nhà chính để ở, không tính diện tích của các ngôi nhà phục vụ cho mục đích chăn nuôi, nhà bếp, nhà vệ sinh, nhà kho được xây dựng riêng ngoài ngôi nhà chính để ở.

***\* Cột 2:*** ghi toàn bộ tổng chi phí xây dựng, sửa chữa lớn hoặc nâng cấp công trình nhà ở của trang trại từ khi khởi công đến khi hoàn thành.

**Phiếu 6/VĐT-H**

**PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN**

**ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA HỘ NĂM 2014**

*(Áp dụng cho hộ dân cư có đầu tư cho sản xuất kinh doanh và cho nhà ở)*

A. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Phiếu này nhằm thu thập thông tin của hộ dân cư có thực hiện đầu tư nhằm duy trì và mở rộng sản xuất kinh doanh; về xây dựng mới, sửa chữa nhà ở, nâng cấp nhà ở trong kỳ điều tra. Không thu thập thông tin về các khoản chi cho mục đích tiêu dùng cuối cùng của hộ dân cư.Ví dụ: trong năm hộ mua thêm ô tô, nếu ô tô dùng để phục vụ nhu cầu đi lại của các cá nhân trong hộ thì không được tính là đầu tư, nếu ô tô dùng để phục vụ cho sản xuất, kinh doanh của hộ như chở nguyên vật liệu, chở sản phẩm đi tiêu thụ… thì được tính là đầu tư của hộ trong năm.

Chủ hộ hoặc người nắm nhiều thông tin về đầu tư cho nhà ở và cho sản xuất kinh doanh của hộ là người trả lời phiếu điều tra.

**B. GIẢI THÍCH NỘI DUNG VÀ CÁCH GHI PHIẾU**

**I. Thông tin chung**

***Mã hộ***: điều tra viên ghi mã hộ theo số thứ tự hộ thuộc danh sách hộ trong địa bàn của Phiếu 6.1/DS-H nếu hộ thuộc địa bàn được chọn mẫu điều tra hoặc danh sách hộ trong làng nghề sản xuất tập trung của phiếu 6.2/DS-HLN nếu hộ thuộc làng nghề sản xuất tập trung.

***1. Họ và tên chủ hộ:*** ghi họ và tên chủ hộ theo sổ hộ khẩu. Đối với những hộ chưa có hộ khẩu thì ghi tên người nắm được nhiều thông tin về tình hình đầu tư của hộ.

***2. Địa chỉ***: điều tra viên ghi đầy đủ thông tin địa chỉ của hộ. Các ô mã địa chỉ của hộ do cơ quan thống kê ghi theo danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam.

***Điện thoại:*** ghi số điện thoại cố định hoặc di động của chủ hộ hoặc người trả lời phiếu thu thập thông tin.

***3. Địa bàn điều tra:*** ghi tên địa bàn và địa bàn số theo Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2014.

***4. Làng nghề:*** ghi tên làng nghề nếu hộ thuộc làng nghề sản xuất tập trung, cán bộ thống kê ghi mã làng nghề sản xuất tập trung theo mã của bảng kê số 6/RS-LN sau rà soát.

***5. Khu vực:*** thành thị hoặc nông thôn: điều tra viên khoanh tròn vào mã thành thị hoặc nông thôn theo danh sách địa bàn của bảng kê sau rà soát.

***6. Tỷ lệ vốn đầu tư:*** chủ hộ ước tính tỷ lệ phần trăm số tiền đã đầu tư cho sản xuất kinh doanh và cho nhà ở.

*Hộ dân cư đầu tư cho nhà ở:* là việc hộ dân cư chi tiền cho việc xây dựng mới, sửa chữa lớn, nâng cấp nhà ở.

+ Xây dựng mới nhà ở: là hoạt động xây dựng để tạo ra sản phẩm nhà ở mới phục vụ nhu cầu đời sống của hộ.

+ Sửa chữa lớn nhà ở: là công việc sửa chữa nhằm cải tạo, khôi phục những phần đã bị hao mòn hư hỏng, phục hồi hình thái tự nhiên của ngôi nhà, đảm bảo cho nhà cửa sử dụng được bình thường. Sửa chữa lớn thường làm thay đổi kết cấu chịu lực của ngôi nhà.

+ Nâng cấp nhà ở: là cải tạo ngôi nhà hoặc một phần ngôi nhà, nhằm kéo dài thời gian sử dụng, tăng chất lượng sử dụng, bổ sung trang thiết bị cho ngôi nhà, có thể làm tăng diện tích sử dụng.

***7. Mục đích đầu tư cho sản xuất kinh doanh:*** nếu hộ có đầu tư cho sản xuất kinh doanh thì ghi mục đích chính để đầu tư cho sản xuất kinh doanh. Đối với các hộ dân cư có đầu tư cho nhà ở thì không ghi mục này. Điều tra viên ghi mã ngành đầu tư theo danh mục ngành kinh tế Việt Nam 2007 ngành cấp 2.

**II. Kết quả thực hiện đầu tư phát triển năm 2014**

***\* Cột A:***

***Tổng số****:* là tổng số vốn đầu tư hộ đã chi ra để đầu tư cho nhà ở và cho mục đích sản xuất kinh doanh trong kỳ điều tra.

***A. Chia theo nguồn vốn***

*1. Ngân sách nhà nước:* là nguồn vốn mà nhà nước hỗ trợ tạo điều kiện, khuyến khích chủ hộ đầu tư cho sản xuất kinh doanh, phát triển ngành nghề... và/hoặc là nguồn vốn mà Nhà nước hỗ trợ theo chương trình mục tiêu quốc gia, xoá nhà tạm, nhà tranh đối với những hộ gia đình hưởng chính sách xã hội.

*2. Tín dụng đầu tư phát triển:* là số tiền vốn mà hộ được vay từ nguồn vốn đầu tư phát triển của nhà nước để phục vụ cho đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh;

*3. Vốn vay:* là số tiền đầu tư của hộ vay từ các ngân hàng thương mại, các quỹ tín dụng trong nước; vay từ các ngân hàng, tổ chức nước ngoài; vay từ các tổ chức (Hội Phụ nữ, chương trình xoá đói giảm nghèo...) và vay của các cá nhân.

- Vay ngân hàng thương mại nhà nước: là số tiền đầu tư của hộ vay của các ngân hàng thương mại nhà nước để đầu tư (ngân hàng của nhà nước) như Ngân hàng Công thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ngân hàng Đầu tư Phát triển...

- Vay ngân hàng ngoài nhà nước: là số tiền đầu tư của hộ vay của các ngân hàng thương mại ngoài nhà nước như Ngân hàng Techcombank, Ngân hàng Đông Á, Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn...

*4. Vốn tự có:* là tổng số tiền đầu tư từ lợi nhuận sản xuất kinh doanh của hộ, từ thanh lý tài sản, từ tiết kiệm hoặc tài sản thừa kế và lao động tự làm (lao động của những người trong hộ và anh em, bạn bè làm giúp), nguyên vật liệu tự túc được quy ra tiền. Vốn tự có có thể là tiền hoặc hiện vật.

- Vốn bằng hiện vật: là số tiền được quy ra giá trị theo giá tương ứng của từng loại hiện vật trên thị trường;

- Vốn bằng nguyên vật liệu tự có: là số tiền được quy ra từ lao động tự làm và nguyên vật liệu tự túc theo giá thị trường.

*5. Vốn huy động từ các nguồn khác:* là số tiền đầu tư của hộ nhận được từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước cho, biếu, tặng, số tiền này hộ được toàn quyền sử dụng và không phải hoàn trả.

***B. Chia theo khoản mục đầu tư***

*Máy móc, thiết bị đã qua sử dụng trong nước*: là tổng số tiền hộ bỏ ra để mua TSCĐ cũ đã qua sử dụng ở trong nước.

*1. Xây dựng cơ bản:* là tổng số tiền mà hộ đã đầu tư xây dựng trong kỳ, kể cả chi phí lao động tự làm, giá trị nguyên vật liệu tự túc, bao gồm: mua nguyên vật liệu như xi măng, sắt thép, vôi, gạch ngói, gỗ và chi phí mua máy móc thiết bị (gồm máy móc đặt vào công trình); thuê nhân công, thuê máy móc thiết bị thi công, các khoản chi phí vận chuyển vật liệu, chi phí về điện, nước.

*Đối với hộ có đầu tư cho nhà ở:* gồm toàn bộ chi phí xây dựng mới nhà ở, bao gồm: chi phí phá và tháo dỡ ngôi nhà, chi phí san lấp mặt bằng xây dựng, các hoạt động như đóng cọc, xây dựng, đổ khung, đổ bê tông, ốp đá, bắc giàn giáo, lợp mái..., chi phí hoàn thiện công trình nhà như lắp kính, trát vữa, quét vôi, trang trí, lát sàn, hoàn thiện phần mộc, công việc kiến trúc âm thanh, làm sạch ngoại thất...

Chia ra:

+ Xây dựng và lắp đặt: là toàn bộ chi phí cho hoạt động xây dựng và lắp đặt các thiết bị đi kèm với công trình xây dựng như: xây dựng các hạng mục công trình, lắp đặt thiết bị, hoàn thiện công trình, chi phí phá dỡ các vật liệu kiến trúc cũ, san lấp mặt bằng xây dựng, xây dựng công trình tạm, công trình phụ trợ phục vụ thi công, nhà tạm.

+ Máy móc thiết bị: là toàn bộ giá trị của máy móc thiết bị được lắp đặt vào công trình xây dựng (không bao gồm chi phí lắp đặt).

+ Vốn đầu tư xây dựng cơ bản khác: là các khoản chi phí khác trong xây dựng cơ bản chưa được phản ánh vào mục xây lắp và máy móc thiết bị nói trên.

*Tiền thuê đất hoặc mua quyền sử dụng đất:* là số tiền hộ chi ra để thuê đất hoặc mua quyền sử dụng đất hoặc mua đất, mua nhà phục vụ cho sản xuất kinh doanh và cho mục đích ở.

*Lưu ý: n*ếu hộ không nhớ chính xác các khoản chi phí trên, điều tra viên cùng với hộ ước tính bằng cách lấy khối lượng từng loại nguyên vật liệu, ngày công lao động thuê ngoài nhân với đơn giá bình quân ở địa phương để tính vào tổng vốn đầu tư. Lao động tự làm và nguyên vật liệu tự túc ước tính như lao động thuê ngoài và nguyên vật liệu mua ngoài.

*2. Mua sắm tài sản cố định dùng cho sản xuất không qua xây dựng cơ bản:* là tổng số tiền thực tế mà hộ đã chi trong kỳ để mua TSCĐ không qua xây dựng cơ bản để phục vụ sản xuất kinh doanh của hộ bao gồm cả chi phí lắp đặt, chạy thử (có thể trong kỳ hộ đã thanh toán nhưng chưa nhận được).

TSCĐ không qua xây dựng cơ bản là các máy móc, thiết bị không đi kèm với công trình xây dựng, không tính vào phần xây dựng cơ bản ở trên. TSCĐ không qua xây dựng cơ bản bao gồm: máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải.

*Lưu ý:*

- Đối với hộ có đầu tư mua nhà ở của các dự án bất động sản thì hộ sẽ không kê khai khoản tiền này vào mục này (vì khoản tiền đầu tư này của hộ đã được thu thập qua các dự án bất động sản).

- Đối với TSCĐ tuy đã qua sử dụng nhưng được nhập khẩu từ nước ngoài thì được coi là tài sản mới vì tài sản đó thực tế sẽ làm tăng tài sản tích luỹ cho toàn xã hội.

*3. Sửa chữa lớn, nâng cấp tài sản cố định:* là số tiền hộ đã chi trong kỳ để sửa chữa, nâng cấp TSCĐ..

- Sửa chữa TSCĐ: là số tiền hộ đã chi cho việc duy tu, bảo dưỡng, thay thế, sửa chữa những hư hỏng phát sinh trong quá trình hoạt động nhằm khôi phục lại những năng lực hoạt động theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu của TSCĐ.

- Nâng cấp TSCĐ: là số tiền hộ chi cho hoạt động cải tạo, xây lắp, trang bị bổ sung thêm cho TSCĐ nhằm nâng cao công suất, chất lượng sản phẩm, tính năng, tác dụng của TSCĐ so với mức ban đầu hoặc kéo dài thời gian sử dụng của TSCĐ; đưa vào áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của TSCĐ so với trước.

- Sửa chữa và nâng cấp nhà ở: là toàn bộ chi phí thực tế chi ra trong kỳ cho công việc sửa chữa, nâng cấp, mở rộng nhà ở của hộ, bao gồm chi phí thanh toán như vật liệu, nhân công, thuê máy móc thiết bị, ...và vật liệu, ngày công tự túc của hộ gia đình.

*4. Đầu tư khác:* gồm các khoản chi đầu tư khác ngoài các khoản đầu tư đã ghi ở các mục trên.

*Lưu ý:* Trường hợp hộ có đầu tư bằng ngoại tệ, vàng, bạc... phải quy ra tiền Việt Nam đồng theo tỷ giá của Ngân hàng nhà nước.

***\* Cột 1****:* Ghi số thực hiện năm 2014.

**III. Nhà ở hoàn thành trong năm 2014**

Phần này ghi thông tin về nhà ở xây dựng mới, sữa chữa lớn hoặc nâng cấp hoàn thành trong năm do hộ chi tiền để thực hiện, bao gồm cả nhà do hộ thuê doanh nghiệp thi công, thuê các đơn vị cá thể thi công hoặc hộ tự xây dựng, sửa chữa lớn hoặc nâng cấp.

***\* Cột A:***

- Nhà riêng lẻ: là những ngôi nhà được xây dựng dùng để ở trên một khuôn viên độc lập với nhau, có tường riêng, lối đi riêng. Những ngôi nhà một tầng chung móng, chung tường cũng được tính là nhà riêng lẻ.

+ Nhà kiên cố: gồm các loại nhà xây, nhà lắp ghép cấu kiện bê tông, nhà xây mái bằng.

+ Nhà bán kiên cố: gồm các loại nhà có tường xây, ghép gỗ, khung gỗ và có mái lợp bằng ngói, tôn, tấm lợp, tấm mạ…Hoặc xây dựng bằng các vật liệu tương đương.

+ Nhà khung gỗ lâu bền: gồm các loại nhà có khung chịu lực làm bằng gỗ (toàn bộ phần mái do các cột bằng gỗ chắc chắn đỡ), có niên hạn sử dụng trên 15 năm, có mái bằng tranh, tre, nứa, lá, giấy dầu.

+ Nhà khác: gồm các loại nhà không thuộc các nhóm nhà nêu trên. Loại này có kết cấu đơn giản, vật liệu thô sơ, tường nhà thường làm bằng đất, đá, lá, cót… mái nhà thường lợp tranh, tre, nứa, lá, giấy dầu.

- Nhà biệt thự: là nhà ở riêng biệt, có sân, vườn (cây xanh, thảm cỏ, vườn hoa…), tường rào và lối ra vào riêng biệt; có cấu trúc hoàn chỉnh, khép kín (đầy đủ các phòng ngủ, sinh hoạt chung, bếp ăn, vệ sinh, kho, để xe …); có ít nhất 02 mặt nhà liền kề trông ra sân hoặc vườn.

*Các loại nhà ở truyền thống khu vực nông thôn, miền núi với cấu trúc không hoàn chỉnh, khép kín không được xếp vào loại hình nhà ở biệt thự.*

***\* Cột 1:*** ghi diện tích xây dựng, sửa chữa lớn hoặc nâng cấp nhà ở hoàn thành trong năm 2014 của hộ dân cư.

Diện tích nhà ở hoàn thành trong năm của hộ dân cư là tổng diện tích sàn xây dựng dùng cho mục đích để ở và sinh hoạt của hộ dân cư. Riêng với nhà riêng lẻ ở nông thôn, chỉ tính cho ngôi nhà chính để ở, không tính diện tích của các ngôi nhà phục vụ cho mục đích chăn nuôi, nhà bếp, nhà vệ sinh, nhà kho được xây dựng riêng ngoài ngôi nhà chính để ở.

***\* Cột 2:*** ghi toàn bộ tổng chi phí xây dựng, sửa chữa lớn hoặc nâng cấp công trình nhà ở của hộ dân cư từ khi khởi công đến khi hoàn thành.

**Phiếu 6.1/DS-H**

**PHIẾU LẬP DANH SÁCH HỘ DÂN CƯ**

**THUỘC ĐỊA BÀN ĐIỀU TRA NĂM 2014**

*(Áp dụng cho địa bàn được chọn mẫu điều tra)*

A. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Phiếu này nhằm lập danh sách tất cả các hộ dân cư có trên địa bàn được chọn mẫu điều tra, bao gồm cả hộ dân cư có đầu tư cho sản xuất kinh doanh và/hoặc cho nhà ở và những hộ dân cư không thực hiện đầu tư trong năm 2014. Mỗi địa bàn được chọn mẫu điều tra lập thành một phiếu.

Điều tra viên đến từng hộ trong địa bàn được chọn mẫu điều tra, hỏi và ghi thông tin vào phiếu lập danh sách hộ dân cư thuộc địa bàn mẫu điều tra. Nếu hộ không thực hiện đầu tư trong năm 2014 thì chỉ ghi thông tin của hộ vào phiếu này, nếu hộ có thực hiện đầu tư trong năm 2014 thì điều tra theo phiếu 6/VĐT-H.

**B. GIẢI THÍCH NỘI DUNG VÀ CÁCH GHI PHIẾU**

**I. Thông tin chung**

***Tỉnh, thành phố ; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh ; xã, phường, thị trấn:*** điều tra viên ghi đầy đủ địa chỉ theo thứ tự tỉnh, thành phố; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; xã, phường, thị trấn.

Mã tỉnh, thành phố; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; xã, phường, thị trấn: cơ quan Thống kê ghi theo danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam được quy định trong phương án điều tra.

***Địa bàn điều tra:*** ghi tên địa bàn và địa bàn số theo Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2014.

***Khu vực:*** điều tra viên khoanh tròn vào mã thành thị hoặc nông thôn theo danh sách địa bàn của Điều tra dân số và nhà ở giữa kỳ năm 2014.

**II. Kết quả rá soát hộ trong địa bàn**

***Thứ thự hộ:*** điều tra viên ghi thứ tự từ 1 đến hết của số hộ trong địa bàn.

***Họ và tên chủ hộ:*** điều tra viên ghi họ và tên chủ hộ theo sổ hộ khẩu. Đối với những hộ chưa có hộ khẩu thì ghi tên người nắm được nhiều thông tin của hộ.

***Địa chỉ***: điều tra viên ghi đầy đủ thông tin về thôn, ấp, số nhà, đường phố của hộ.

***Hộ có đầu tư năm 2014 hay không?:*** điều tra viên hỏi thông tin từ chủ hộ, nếu hộ có thực hiện đầu tư trong năm 2014 thì ghi mã 1, nếu hộ không đầu tư thì bỏ trống.

*Lưu ý*: với những hộ có thực hiện đầu tư thì tiếp tục điều tra theo phiếu số 6/VĐT-H.

***Chữ ký của chủ hộ:*** điều tra viên yêu cầu chủ hộ ký tên. Trường hợp không lấy được chữ ký của các hộ dân cư thuộc địa bàn điều tra thì có thể đề nghị tổ trưởng dân phố, trưởng thôn hoặc người đại diện khu vực… ký thay cho cả địa bàn điều tra.

**Phiếu 6.2/DS-HLN**

**PHIẾU LẬP DANH SÁCH HỘ DÂN CƯ**

**THUỘC LÀNG NGHỀ SẢN XUẤT TẬP TRUNG NĂM 2014**

*(Áp dụng cho làng nghề sản xuất tập trung)*

A. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

Phiếu này nhằm lập danh sách tất cả các hộ dân cư thuộc làng nghề sản xuất tập trung, bao gồm cả hộ dân cư có đầu tư cho sản xuất kinh doanh và/hoặc cho nhà ở và những hộ dân cư không thực hiện đầu tư trong năm 2014. Mỗi làng nghề sản xuất tập trung lập thành một phiếu.

Điều tra viên đến từng hộ thuộc làng nghề, hỏi và ghi thông tin vào phiếu lập danh sách hộ dân cư thuộc làng nghề sản xuất tập trung. Nếu hộ không thực hiện đầu tư trong năm 2014 thì chỉ ghi thông tin của hộ vào phiếu này, nếu hộ có thực hiện đầu tư trong năm 2014 thì tiếp tục điều tra theo phiếu 6/VĐT-H.

Làng nghề sản xuất tập trung là một hoặc nhiều cụm dân cư cấp thôn, ấp, bản, làng, buôn, phum, sóc hoặc các điểm dân cư tương tự trên địa bàn một xã, thị trấn, có các hoạt động nghề, sản xuất ra một hoặc nhiều loại sản phẩm khác nhau, các ngành nghề sản xuất đã phát triển tới mức trở thành nguồn sống chính hoặc thu nhập chủ yếu của người dân.

Quy ước làng nghề sản xuất tập trung trong cuộc điều tra này là làng nghề có từ 50% số hộ trong địa bàn tham gia các hoạt động ngành nghề, có cơ sở hạ tầng đồng bộ, từ đường giao thông, hệ thống điện, cấp thoát nước, xử lý chất thải, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ, cung ứng nguyên liệu, vật tư, giới thiệu, quảng bá sản phẩm, kho bãi, đào tạo, chuyển giao công nghệ... Những làng nghề đã được UBND tỉnh/thành phố công nhận là làng nghề nhưng không đạt tiêu chí này thì không được gọi là làng nghề sản xuất tập trung.

**B. GIẢI THÍCH NỘI DUNG VÀ CÁCH GHI PHIẾU**

**I. Thông tin chung**

***Tỉnh, thành phố ; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh ; xã, phường, thị trấn:*** điều tra viên ghi đầy đủ địa chỉ theo thứ tự tỉnh, thành phố; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; xã, phường, thị trấn.

Mã tỉnh, thành phố; huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; xã, phường, thị trấn: cơ quan Thống kê ghi theo danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam được quy định trong phương án điều tra.

***Tên làng nghề, mã làng nghề:*** điều tra viên ghi tên và mã làng nghề sản xuất tập trung như tên làng nghề trong bảng kê số 6/RS-LN sau rà soát.

**II. Kết quả rà soát hộ dân cư thuộc làng nghề**

***Mã địa bàn, tên địa bàn:*** điều tra viên ghi theo mã địa bàn và tên địa bàn của làng nghề theo bảng kê số 6/RS-LN sau rà soát.

***Thứ thự hộ:*** điều tra viên ghi thứ tự từ 1 đến hết của số hộ trong địa bàn.

***Họ và tên chủ hộ:*** điều tra viên ghi họ và tên chủ hộ theo sổ hộ khẩu. Đối với những hộ chưa có hộ khẩu thì ghi tên người nắm được nhiều thông tin của hộ.

***Địa chỉ***: điều tra viên ghi đầy đủ thông tin về thôn, ấp, số nhà, đường phố của hộ.

***Hộ có đầu tư năm 2014 hay không?:*** điều tra viên hỏi thông tin từ chủ hộ, nếu hộ có thực hiện đầu tư trong năm 2014 thì ghi mã 1, nếu hộ không đầu tư thì bỏ trống.

*Lưu ý*: với những hộ có thực hiện đầu tư thì tiếp tục điều tra theo phiếu số 6/VĐT-H.

***Chữ ký của chủ hộ:*** điều tra viên yêu cầu chủ hộ ký tên. Trường hợp không lấy được chữ ký của các hộ dân cư thuộc làng nghề thì có thể đề nghị tổ trưởng dân phố, trưởng thôn hoặc người đại diện khu vực… ký thay cho cả làng nghề.

**Phiếu 7/VĐT-TC**

**PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN**

**VỀ CHI MUA SẮM, SỬA CHỮA TÀI SẢN TỪ NGUỒN KINH PHÍ THƯỜNG XUYÊN CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NĂM 2014**

*(Áp dụng cho Sở Tài chính tỉnh, thành phố )*

**A. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

Phiếu này nhằm thu thập thông tin về chi mua hàng hóa vật tư dự trữ nhà nước; chi cho mua sắm, sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng từ nguồn kinh phí thường xuyên của các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương năm 2014.

Qui định: chỉ thu thập thông tin của các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương không có tính chất kinh doanh (không phải là đơn vị kinh tế) như các đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp, các tổ chức chính trị, chính trị xã hội, xã hội - nghề nghiệp....

**Lưu ý:** **loại trừ** các đơn vị kinh tế sử dụng ngân sách nhà nước có mã số chương (phụ lục 1) trong quyết định số 33/2008/QĐ-BTC ngày 2/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành hệ thống mục lục ngân sách nhà nước ( các Thông tư số 144/2011/TT-BTC ngày 21/10/2011, Thông tư số 110/2012/TT-BTC ngày 17/12/2012, Thông tư số 217/2012/TT-BTC ngày 17/12/2012, Thông tư số 97/2013/TT-BTC ngày 23/7/2013,Thông tư số 147/2013/TT-BTC ngày 23/10/2013 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn mục lục ngân sách nhà nước ban hành theo Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC) như sau :

- Đơn vị có mã số chương thuộc cấp tỉnh từ 552 đến 558 và từ 561 đến 564.

- Đơn vị có mã số chương thuộc cấp huyện từ 754 đến 758.

- Đơn vị có mã số chương thuộc cấp xã từ 854 đến 857.

**B. GIẢI THÍCH NỘI DUNG VÀ CÁCH GHI PHIẾU**

**Mã đơn vị:** cơ quan Thống kê ghi mã đơn vị của sở Tài chính theo mã tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trong Danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam ban hành kèm theo phương án điều tra.

Ví dụ: mã của Sở Tài chính Thành phố Hải Phòng là 31.

**I. Thông tin chung**

***1. Tên đơn vị:*** ghi tên Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

***2. Địa chỉ:*** ghi đầy đủ địa chỉ theo thứ tự tỉnh, thành phố; huyện, quận, thị xã; xã, phường, thị trấn; thôn ấp, số nhà, đường phố của Sở Tài chính tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Mã tỉnh, thành phố; huyện, quận, thị xã; xã, phường, thị trấn: cơ quan Thống kê ghi theo danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam được quy định trong phương án điều tra.

- Số điện thoại: ghi số điện thoại của bộ phận (phòng, ban) trực tiếp cung cấp thông tin điều tra.

- Số fax: ghi số fax nếu có.

- Email: ghi địa chỉ email nếu có.

**II. Chi mua sắm, sửa chữa tài sản từ nguồn kinh phí thường xuyên**

**\* Cột A:**

**1. Phân loại chi theo nội dung kinh tế**

Kê khai các khoản chi theo danh mục mã số nội dung kinh tế thuộc **phụ lục số 3** kèm theo quyết định số 33/2008/QĐ-BTC ngày 2/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành hệ thống mục lục ngân sách nhà nước và các Thông tư số 144/2011/TT-BTC ngày 21/10/2011, Thông tư số 110/2012/TT-BTC ngày 17/12/2012, Thông tư số 217/2012/TT-BTC ngày 17/12/2012, Thông tư số 97/2013/TT-BTC ngày 23/7/2013,Thông tư số 147/2013/TT-BTC ngày 23/10/2013 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn mục lục ngân sách nhà nước ban hành theo Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC.

***(1) Chi sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng (mã 6900 và 9100 trong phụ lục số 3): là tổng số chi trong năm 2014, gồm:***

+ Mô tô

+ Ô tô con, ô tô tải

+ Xe chuyên dùng

+ Tàu, thuyền

+ Trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng

+ Điều hòa nhiệt độ

+ Nhà cửa

+ Thiết bị phòng cháy, chữa cháy

+ Thiết bị tin học

+ Máy photocopy

+ Máy fax

+ Máy phát điện

+ Máy bơm nước

+ Bảo trì và hoàn thiện phần mềm máy tính

+ Công trình văn hóa, công viên, thể thao.

+ Đường điện, cấp thoát nước.

+ Đường xá, cầu cống, bến cảng, sân bay

+ Đê điều, hồ đập, kênh mương.

+ Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác.

***(2) Chi mua hàng hóa, vật tư dự trữ Nhà nước, hàng hóa vật tư dự trữ Nhà nước chuyên ngành (mã 8700 và 8800 trong phụ lục số 3) trong năm 2014:*** là giá trị chênh lệch cuối kỳ (31/12/2014) và đầu kỳ (01/01/2014) của hàng hóa, vật tư dự trữ trong kho, gồm:

+ Lương thực

+ Nhiên liệu

+ Vật tư kỹ thuật

+ Trang thiết bị kỹ thuật

+ Khác.

**- Ví dụ:**

+ Thời điểm 1/1/2014: dự trữ gạo của quốc gia trong kho có giá trị là 1000 tỷ đồng.

+ Trong năm 2014:

++ Chi mua bổ sung dự trữ gạo là 1500 tỷ đồng.

++ Xuất kho cứu trợ, cứu đói giáp hạt, hỗ trợ cho học sinh vùng khó khăn, hỗ trợ dân di cư tự do…: trị giá là 500 tỷ đồng.

+ Đến thời điểm 31/12/2014, dự trữ gạo của quốc gia là:

1000+1500 -500 = 2000 (tỷ đồng)

 + Như vậy, giá trị chi mua gạo dự trữ nhà nước thực hiện năm 2014 là:

 2000 – 1000 = 1000 (tỷ đồng)

 ***(3) Chi mua, đầu tư tài sản vô hình năm 2014 (mã 9000 phụ lục 3): là tổng số chi trong năm 2014, gồm*:**

+ Mua bằng sáng chế

+ Mua bản quyền nhãn hiệu thương mại

+ Mua phần mềm máy tính

+ Đầu tư, xây dựng phần mềm máy tính

+ Khác

***(4) Chi mua sắm tài sản dùng cho công tác chuyên môn năm 2014 (mã 9050 phụ lục 3): là tổng số chi trong năm 2014, gồm:***

+ Mô tô

+ Ô tô con, ô tô tải

+ Xe chuyên dùng

+ Tàu, thuyền

+ Trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng

+ Điều hòa nhiệt độ

*+ Nhà cửa*

+ Thiết bị phòng cháy, chữa cháy

+ Thiết bị tin học

+ Máy photocopy

+ Máy fax

+ Máy phát điện

+ Máy bơm nước

+ Tài sản khác.

**2. Phân loại chi theo ngành kinh tế:** .

Kê khai các khoản chi theo danh mục mã số ngành kinh tế (phụ lục số 2) kèm theo quyết định số 33/2008/QĐ-BTC ngày 2/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành hệ thống mục lục ngân sách nhà nước.

**\* Cột 1:** ghi tổng số tiền đã chi của các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh/thành phố năm 2014 theo các loại chi ở cột A.

**Phiếu 8/VĐT-B**

**PHIẾU THU THẬP THÔNG TIN**

**VỀ CHI MUA SẮM, SỬA CHỮA TÀI SẢN TỪ NGUỒN KINH PHÍ**

**THƯỜNG XUYÊN CỦA CÁC ĐƠN VỊ SỬ DỤNG NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

**THUỘC BỘ, CƠ QUAN NGANG BỘ, CƠ QUAN THUỘC CHÍNH PHỦ,**

**CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG KHÁC NĂM 2014**

*(Áp dụng cho Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ,*

*các cơ quan trung ương khác)*

**A. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

Phiếu này nhằm thu thập thông tin về chi mua hàng hóa vật tư dự trữ nhà nước; chi cho mua sắm, sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn, duy tu bảo dưỡng các công trình hạ tầng từ nguồn kinh phí thường xuyên của các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan trung ương khác (gọi tắt là Bộ, ngành) năm 2014.

Qui định: chỉ thu thập thông tin của các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước thuộc Bộ, ngành, không có tính chất kinh doanh (không phải là đơn vị doanh nghiệp) như các đơn vị hành chính, đơn vị sự nghiệp,....

Số liệu được thu thập tổng hợp từ các báo cáo quyết toán năm 2014 của các đơn vị sử dụng ngân sách này.

**B. GIẢI THÍCH NỘI DUNG VÀ CÁCH GHI PHIẾU**

**Mã đơn vị:** bộ, ngành ghi mã đơn vị theo mã số của Bộ, ngành được quy định trong danh mục các Bộ, ngành, cơ quan trung ương; cơ quan , đơn vị cấp tỉnh, huyện, xã được quy định trong phương án điều tra.

**I. Thông tin chung**

***1. Tên đơn vị:*** ghi tên đầy đủ của Bộ, ngành.

***2. Địa chỉ:*** bộ, ngành ghi đầy đủ địa chỉ theo thứ tự tỉnh, thành phố; huyện, quận, thị xã; xã, phường, thị trấn; thôn ấp, số nhà, đường phố của Bộ, ngành.

Mã tỉnh, thành phố; huyện, quận, thị xã; xã, phường, thị trấn: Bộ, ngành ghi theo danh mục các đơn vị hành chính Việt Nam được quy định trong phương án điều tra.

- Số điện thoại: ghi số điện thoại của bộ phận (phòng, ban) trực tiếp cung cấp thông tin điều tra.

- Số fax: ghi số fax nếu có.

- Email: ghi địa chỉ email nếu có.

**II. Chi mua sắm, sửa chữa tài sản từ nguồn kinh phí thường xuyên**

**\* Cột A:**

**1. Phân loại chi theo nội dung kinh tế**

Kê khai các khoản chi theo danh mục mã số nội dung kinh tế thuộc **phụ lục số 3** kèm theo quyết định số 33/2008/QĐ-BTC ngày 2/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành hệ thống mục lục ngân sách nhà nước và các Thông tư số 144/2011/TT-BTC ngày 21/10/2011, Thông tư số 110/2012/TT-BTC ngày 17/12/2012, Thông tư số 217/2012/TT-BTC ngày 17/12/2012, Thông tư số 97/2013/TT-BTC ngày 23/7/2013,Thông tư số 147/2013/TT-BTC ngày 23/10/2013 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn mục lục ngân sách nhà nước ban hành theo Quyết định số 33/2008/QĐ-BTC.

***(1) Chi sửa chữa tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng trong năm 2014 (mã 6900 và 9100 trong phụ lục số 3): là tổng số chi trong năm 2014, gồm:***

+ Mô tô

+ Ô tô con, ô tô tải

+ Xe chuyên dùng

+ Tàu, thuyền

+ Trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng

+ Điều hòa nhiệt độ

+ Nhà cửa

+ Thiết bị phòng cháy, chữa cháy

+ Thiết bị tin học

+ Máy photocopy

+ Máy fax

+ Máy phát điện

+ Máy bơm nước

+ Bảo trì và hoàn thiện phần mềm máy tính

+ Công trình văn hóa, công viên, thể thao.

+ Đường điện, cấp thoát nước.

+ Đường xá, cầu cống, bến cảng, sân bay

+ Đê điều, hồ đập, kênh mương.

+ Các tài sản và công trình hạ tầng cơ sở khác.

***(2) Chi mua hàng hóa, vật tư dự trữ Nhà nước,hàng hóa vật tư dự trữ Nhà nước chuyên ngành (mã 8700 và 8800 trong phụ lục số 3) trong năm 2014:*** là giá trị chênh lệch cuối kỳ (31/12/2014) và đầu kỳ (01/01/2014) của hàng hóa, vật tư dự trữ trong kho, gồm:

+ Lương thực

+ Nhiên liệu

+ Vật tư kỹ thuật

+ Trang thiết bị kỹ thuật

+ Khác.

**- Ví dụ:**

+ Thời điểm 1/1/2014: dự trữ gạo của quốc gia trong kho có giá trị là 1000 tỷ đồng.

+ Trong năm 2014:

++ Chi mua bổ sung dự trữ gạo là 1500 tỷ đồng.

++ Xuất kho cứu trợ, cứu đói giáp hạt, hỗ trợ cho học sinh vùng khó khăn, hỗ trợ dân di cư tự do…: trị giá là 500 tỷ đồng.

+ Đến thời điểm 31/12/2014, dự trữ gạo của quốc gia là:

1000+1500 -500 = 2000 (tỷ đồng)

 + Như vậy, giá trị chi mua gạo dự trữ nhà nước thực hiện năm 2014 là:

 2000 – 1000 = 1000 (tỷ đồng)

 ***(3) Mua, đầu tư tài sản vô hình năm 2014 (mã 9000 phụ lục 3): là tổng số chi trong năm 2014, gồm*:**

+ Mua bằng sáng chế

+ Mua bản quyền nhãn hiệu thương mại

+ Mua phần mềm máy tính

+ Đầu tư, xây dựng phần mềm máy tính

+ Khác

***(4) Chi mua sắm tài sản dùng cho công tác chuyên môn năm 2014 (mã 9050 phụ lục 3): là tổng số chi trong năm 2014, gồm:***

+ Mô tô

+ Ô tô con, ô tô tải

+ Xe chuyên dùng

+ Tàu, thuyền

+ Trang thiết bị kỹ thuật chuyên dụng

+ Điều hòa nhiệt độ

+ Nhà cửa

+ Thiết bị phòng cháy, chữa cháy.

+ Thiết bị tin học

+ Máy photocopy

+ Máy fax

+ Máy phát điện

+ Máy bơm nước

+ Tài sản khác.

**2. Phân loại chi theo ngành kinh tế:**

Kê khai các khoản chi theo danh mục mã số ngành kinh tế phụ lục số 2 kèm theo quyết định số 33/2008/QĐ-BTC ngày 2/6/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành hệ thống mục lục ngân sách nhà nước.

 **3. Phân loại chi theo tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương**

Phân chia tổng số chi của các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trực thuộc Bộ, ngành, cơ quan trung ương theo đơn vị hành chính là các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương.

**\* Cột 1:** ghi tổng tiền chi của các đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh/thành phố năm 2014 theo các loại chi ở cột A.